|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC THI NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2018/NĐ-CP**

**NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH**

**CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG**

**VỀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

**PHẦN I: THÀNH TỰU VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1.1. Đánh giá chung**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) để ngăn chặn những thiệt hại của hàng nhập khẩu gây ra đối với hàng hóa sản xuất trong nước đã và đang trở thành xu thế chung của tất cả các quốc gia. Do vậy, các chế định về PVTM đã trở thành nội dung quan trọng trong khuôn khổ pháp luật về thương mại quốc tế của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nói chung, cũng như trong hệ thống pháp luật của từng quốc gia thành viên nói riêng. Trong đó, pháp luật PVTM luôn có vị trí quan trọng và được các nước áp dụng khá phổ biến để bảo vệ các ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu bán phá giá, được trợ cấp hoặc sự gia tăng quá mức từ hàng hóa nhập khẩu.

Tại Việt Nam, pháp luật về PVTM giai đoạn trước năm 2018 (gồm 03 Pháp lệnh và 03 Nghị định hướng dẫn) ra đời từ năm 2002 (tự vệ), 2004 (chống bán phá giá và chống trợ cấp) và hình thành trong giai đoạn Việt Nam thực hiện những nỗ lực nước rút để gia nhập WTO, mục tiêu được đặt ra đối với các chế định này là hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam cho phù hợp với quy định của WTO và sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức này. Tuy nhiên việc nội luật hóa các quy định về PVTM của WTO còn nhiều hạn chế nên các quy định trong Pháp lệnh PVTM còn nhiều điểm chưa hợp lý, các quy định còn đơn giản và mang tính nguyên tắc, nhiều nội dung quan trọng chưa được quy định hoặc chưa được giải quyết triệt để… Từ khi các văn bản nêu trên có hiệu lực thi hành cho đến hết năm 2017, Việt Nam mới tiến hành điều tra và áp dụng 05 vụ việc tự vệ, 03 vụ việc chống bán phá, và chưa tiến hành điều tra chống trợ cấp.

Luật Quản lý ngoại thương (QLNT) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đã chấm dứt hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về các biện pháp PVTM, bao gồm gồm 03 Pháp lệnh về và 03 Nghị định hướng dẫn thực thi các quy định về PVTM.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLNT về các biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định 10). Nghị định 10 là Nghị định chung về các biện pháp PVTM thay vì các quy định riêng rẽ như trước đây tại các Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 8 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam và Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Nghị định 10 quy định chi tiết, cụ thể hóa các nguyên tắc của WTO về PVTM được nội luật hóa trong Luật QLNT nhằm thiết lập hành lang pháp lý cho việc điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM. Nghị định 10 gồm 07 Chương, 95 Điều quy định nhưng nội dung cơ bản bao gồm:

- Nhóm các quy định chung;

- Nhóm các quy định về căn cứ tiến hành, trình tự, thủ tục, thời hạn, nội dung, căn cứ chấm dứt điều tra vụ việc phòng vệ thương mại;

- Nhóm các quy định về xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước;

- Nhóm các quy định về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại;

- Nhóm các quy định về áp dụng, rà soát biện pháp phòng vệ thương mại;

- Nhóm các quy định về trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình điều tra;

- Nhóm các quy định về miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

- Nhóm các quy định về xử lý biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Nghị định 10 được đánh giá là văn bản pháp lý xương sống cho hoạt động điều tra và ứng phó đối với lĩnh vực PVTM của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến về nhận thức và mối quan tâm về chính sách thương mại của Chính phủ trong tiến trình hội nhập quốc tế về kinh tế. Đặc biệt, đối mặt với giai đoạn chiến tranh thương mại toàn cầu gay gắt, nhiều rủi ro và thách thức trong hoạt động xuất nhập khẩu, việc ban hành Nghị định là một chủ trương đúng đắn, phù hợp bối cảnh thương mại quốc tế, góp phần tạo lập hành lang pháp lý rõ ràng và minh bạch cho công tác điều tra PVTM, bảo đảm hài hòa lợi ích các bên tham gia, đồng thời thúc đẩy sự lớn mạnh của các ngành sản xuất trong nước, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp khi chúng ta tham gia hàng loạt FTA thế hệ mới.

Tính đến hiện tại, Việt Nam đã khởi xướng điều tra, áp dụng **27 vụ việc** PVTM, trong đó có 18 vụ việc chống bán phá giá, 01 vụ việc chống trợ cấp, 06 vụ việc tự vệ và 02 vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM, tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng **1,5 nghìn tỷ mỗi năm** (tính theo số liệu thống kê 03 năm liên tiếp từ 2020-2022). Điều này cho thấy Việt Nam đã và đang phát huy vai trò của các biện pháp PVTM như một công cụ để bảo đảm môi trường thuơng mại công bằng nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu đến sản xuất trong nước và lao động, việc làm, bảo đảm an ninh kinh tế và an sinh xã hội.

**1.2. Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp**

Cho đến thời điểm hiện tại, 18 biện pháp chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam đã được khởi xướng điều tra, áp dụng thực sự là công cụ hữu hiệu bảo vệ các nhà sản xuất trong nước trong các ngành công nghiệp được coi là “non trẻ” của Việt Nam.

Trong số đó, 08 biện pháp chống bán phá giá được áp dụng đối với sản phẩm thép và các sản phẩm liên quan đến thép đã tạo đà cho ngành công nghiệp thép của Việt Nam từng bước chuyển mình mạnh mẽ. Các biện pháp chống bán phá giá đã ngăn chặn hành vi cạnh tranh không lành mạnh đối với các sản phẩm thép nhập khẩu tại thị trường Việt Nam. Lượng nhập khẩu thép và các sản phẩm liên quan đến thép từ các quốc gia có ngành công nghiệp thép phát triển vào Việt Nam giảm mạnh sau khi bị điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá (Vụ việc AD01, AD02: Trung Quốc giảm 43-45%, Indonesia giảm 43-66%, Malaysia giảm 47-50%, Đài Loan giảm 41-48%; Vụ việc AD03: Trung Quốc giảm 56-89%, Vụ việc AD04: Trung Quốc giảm 41-52%, Hàn Quốc giảm 42-63%; Vụ việc AD08: Trung Quốc giảm 30-43%).

Ngoài các sản phẩm thép, các ngành công nghiệp cơ bản của Việt Nam như cao su, nhựa, ván gỗ công nghiệp, sợi, bột ngọt, đường mía… cũng được hưởng lợi rất lớn từ hiệu quả của các biện pháp chống bán phá giá. “Hiệu ứng chuyển dịch thuế” (Rent-shifting Effect) từ các biện pháp chống bán phá giá đã chuyển lợi nhuận từ nền kinh tế nước ngoài tham gia bán phá giá về phía thị trường đang bị bán phá giá thông qua doanh thu nhập khẩu. Lượng nhập khẩu các sản phẩm này kể từ khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã giảm đi rõ rệt, nhường lại thị phần cho các doanh nghiệp nội địa và ngành sản xuất trong nước. (Vụ việc AD07 đối với sản phẩm màng BOPP: Trung Quốc giảm 3-14%, Thái Lan giảm 67%, Malaysia giảm 65-70%; Vụ việc AD09 đối với sản phẩm bột ngọt: Trung Quốc giảm 37%, Indonesia giảm 17-19%).

***Bảng 1:******Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thống kê vụ việc** |
| **1** | **Khởi xướng điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp** | - 17 vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá: AD01, AD02, AD03, AD04, AD05, AD06, AD07, AD08, AD09, AD10, AD11, AD12, AD13, AD14, AD15, AD16, AD17  - 01 vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp chống trợ cấp: AS01 |
| **2** | **Áp dụng biện chống bán phá giá và trợ cấp đang có hiệu lực** | - 13 vụ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đang có hiệu lực (có thuế): AD01, AD03, AD04, AD05, AD07, AD08, AD09, AD10, AD12, AD13, AD14, AD15, AD16.  - 01 vụ việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đang có hiệu lực (có thuế): AS01 |
| **3** | **Vụ việc đang trong giai đoạn điều tra** | 01 vụ việc đang trong giai đoạn điều tra: AD17 (khởi xướng tháng 7/2023) |

*(Theo số liệu thống kê của Cục PVTM tính đến hết tháng 6 năm 2023)*

**1.3. Kết quả điều tra áp dụng biện pháp tự vệ**

Trong số 06 biện pháp tự vệ mà Việt Nam khởi xướng điều tra, áp dụng, các sản phẩm nhập khẩu bị áp dụng biện pháp đều là những hàng hóa công nghiệp dân dụng cơ bản hoặc nguyên vật liệu có hàm lượng kỹ thuật, chất lượng cao. Cụ thể là các sản phẩm: kính màu, dầu thực vật, thép, tôn màu, phân bón MAP, DAP và bột ngọt. Các biện pháp tự vệ được áp dụng đã mang lại những hiệu quả kinh tế rõ ràng, tạo được động lực nhằm hình thành nền móng cho ngành sản xuất trong nước.

Số liệu thống kê sau đây cho thấy các biện pháp tự vệ đã tạo ra tác động tới lượng hàng nhập khẩu rõ rệt, sau khi biện pháp thuế tự vệ hoặc hạn ngạch nhập khẩu được áp dụng, lượng hàng nhập khẩu đã giảm hàng năm: Vụ việc SG04 đối với sản phẩm phôi thép: lượng nhập khẩu giảm dần từ 1.609.714 tấn năm 2015 xuống 0 tấn năm 2020; Vụ việc SG04 đối với sản phẩm thép dài: lượng nhập khẩu giảm dần từ 1.153.461 tấn năm 2015 xuống 324.669 tấn năm 2020; Vụ việc SG06 đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP: lượng nhập khẩu giảm dần từ 1.033.281 tấn năm 2015 xuống 600.842tấn năm 2020.

***Bảng 2:******Kết quả điều tra áp dụng biện pháp tự vệ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thống kê vụ việc** |
| **1** | **Khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ** | Tính đến nay, Việt Nam đã khởi xướng điều tra 06 vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ. Cụ thể:  ▪ Vụ việc SG01: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng kính nổi  ▪ Vụ việc SG02: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng dầu thực vật tinh luyện  ▪ Vụ việc SG03: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng bột ngọt  ▪ Vụ việc SG04: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phôi thép và thép dài  ▪ Vụ việc SG05: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng tôn màu  ▪ Vụ việc SG06: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phân bón DAP, MAP |
| **2** | **Áp dụng biện pháp tự vệ đang có hiệu lực** | 01 vụ việc: SG04: áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng thép dài. |
| **3** | **Vụ việc đang trong giai đoạn điều tra** | Hiện Việt Nam chưa có thêm vụ việc mới nào đang trong giai đoạn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ. |

*(Theo số liệu thống kê của Cục PVTM tính đến hết tháng 6 năm 2023)*

**1.4. Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh các biện pháp PVTM**

Đối với công tác chống lẩn tránh biện pháp PVTM, cơ quan điều tra về PVTM của Việt Nam đã khởi xướng điều tra và áp dụng 02 biện pháp đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây và đường mía nhập khẩu. Để bảo đảm hiệu quả của biện pháp PVTM đang có hiệu lực, ngoài việc theo dõi chặt chẽ các biện pháp, Cục PVTM đã xây dựng và cập nhật định kỳ Danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp nhằm lẩn tránh biện pháp PVTM gửi các cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài nước.

***Bảng 3:******Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thống kê vụ việc** |
| **1** | **Khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM** | - 01 vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp (AC02.AD13-AS01);  - 01 vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp tự vệ) (AC01.SG04). |
| **2** | **Áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM đang có hiệu lực** | - 01 vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp (AC02.AD13-AS01);  - 01 vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp tự vệ) (AC01.SG04). |
| **3** | **Vụ việc đang trong giai đoạn điều tra** | 0 vụ |

*(Theo số liệu thống kê của Cục PVTM tính đến hết tháng 6 năm 2023)*

**1.5. Kết quả các biện pháp rà soát**

*a. Kết quả rà soát biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp*

Đối với rà soát biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp, Việt Nam đã tiến hành rà soát 17 vụ việc. Cụ thể theo bảng số liệu dưới đây:

***Bảng 4:******Kết quả rà soát biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Rà soát theo đề nghị của bên liên quan** | | **Rà soát cuối kỳ** | | **Rà soát nhà xuất khẩu mới** | | **Tổng cộng theo năm** |
| **Năm** | **Số lượng** | **Mã vụ việc vụ thể** | **Số lượng** | **Mã vụ việc vụ thể** | **Số lượng** | **Mã vụ việc vụ thể** |
| **2018** | 0 | - | 1 | ER01.AD01 | 0 | - | **1** |
| **2019** | 2 | AR01.AD02  AR01.AD03 | 0 | - | 0 | - | **2** |
| **2020** | 2 | AR01.AD04  AR01.AD05 | 0 | - | 1 | NR01.AD04 | **3** |
| **2021** | 2 | AR01.AD07  AR01.AD09 | 2 | ER01.AD02  ER01.AD03 | 0 | - | **4** |
| **2022** | 3 | AR02.AD05  AR01.AD10  AR01.AD13-AS01 | 0 | - | 3 | NR02.AD04  NR01.AD07  NR01.AC02.AD13-AS01 | **6** |
| **2023** | 1 | AR02.AD09 | 0 | - | 0 | - | **1** |
| **Tổng cộng** | 10 | | 3 | | 4 | | **17** |

*(Theo số liệu thống kê của Cục PVTM tính đến hết tháng 6 năm 2023)*

*b. Kết quả rà soát biện pháp tự vệ*

Đối với rà soát biện pháp tự vệ, Việt Nam đã tiến hành rà soát 6 biện pháp tự vệ. Cụ thể theo bảng số liệu dưới đây:

***Bảng 5: Kết quả rà soát biện pháp tự vệ***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Vụ việc** | **Nội dung** |
| **1** | *2018* | *IR01.SG03* | [Rà soát giữa kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm bột ngọt](https://trav.gov.vn/default.aspx?page=case-prosecute&do=detail&id=f427f35c-f83b-4da0-9ba6-8a7dcfa2364b) |
| **2** | *2018* | [*IR01.SG04*](https://trav.gov.vn/default.aspx?page=case-prosecute&do=detail&id=100cb373-69fd-44c3-b0f1-942de0d7bbb5) | Rà soát giữa kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài |
| **3** | *2020* | [*ER01.SG04*](https://trav.gov.vn/default.aspx?page=case-prosecute&do=detail&id=6f6474d6-1e0e-4ef7-99f6-b50e0085efc5) | Rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu |
| **4** | *2023* | *ER02.SG04* | Rà soát cuối kỳ lần 02 biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu |
| **5** | *2020* | *ER01.SG06* | Rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu |
| **6** | *2022* | *ER02.SG06* | [Rà soát cuối kỳ lần 02 biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu](https://trav.gov.vn/default.aspx?page=case-prosecute&do=detail&id=437c82cc-a3c2-4d11-aeb2-3c88ea1cd8c9) |

*(Theo số liệu thống kê của Cục PVTM tính đến hết tháng 6 năm 2023)*

*c. Kết quả rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM*

01 vụ việc: Rà soát nhà xuất khẩu mới trong vụ việc lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC đường mía, mã vụ việc NR01.AC02.AD13-AS01 (đã thống kê ở bảng trên).

**1.6. Kết quả việc xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam**

Đối với công tác kháng kiện, cho đến nay, đã có 238 vụ việc PVTM được điều tra, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra các nước trên thế giới. Chỉ tính riêng 05 năm gần đây đã có gần 100 vụ, chủ yếu với các thị trường Hoa Kỳ, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và EU khiến một số mặt hàng xuất khẩu phải chịu mức thuế cao, ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu cả ngành hàng, ảnh hưởng đến công ăn, việc làm của hàng triệu lao động và gây tác động lớn đến chính sách xuất nhập khẩu, suy giảm lợi thế là quốc gia xuất khẩu hàng đầu trong khu vực của Việt Nam. Tính từ đầu năm 2020 đến nay, dù hoạt động thương mại bị đình trệ do dịch Covid-19 nhưng số vụ khởi xướng điều tra liên quan đến PVTM tăng lên đáng kể, Việt Nam đang phải ứng phó với hơn 30 vụ việc. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, quan trọng của Việt Nam như thuỷ sản (tôm, cá tra, cá basa), sắt, thép, nhôm, gỗ, mật ong, dệt may, nông sản… đều đứng trước nguy cơ bị điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

***Bảng 6: Kết quả việc xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thống kê vụ việc** |
| **I** | **Tổng số vụ việc xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam** | |
| 1.1 | Số lượng vụ việc chống bán phá giá, trợ cấp | 151 (trong đó có 128 vụ việc chống bán phá giá, 23 vụ việc chống trợ cấp) |
| 1.2 | Số lượng vụ việc tự vệ | 47 |
| 1.3 | Số lượng vụ việc lẩn tránh biện pháp PVTM | 33 |
| **II** | **Thống kê số lượng vụ việc theo một số thị trường trọng điểm** | |
| 2.1 | Thị trường Hoa Kỳ | 55 |
| 2.2 | Thị trường Ấn Độ | 30 |
| 2.3 | Thị trường EU | 14 |
| 2.4 | Thị trường Úc | 18 |
| 2.5 | Thị trường Canada | 18 |
| 2.6 | Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ | 25 |

*(Theo số liệu thống kê của Cục PVTM tính đến hết tháng 6 năm 2023)*

**PHẦN II: HẠN CHẾ VÀ BẤT CẬP**

Sau gần 06 năm thực thi, Cục PVTM - Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát tình hình thực thi Nghị định 10 trong thời gian qua. Ngày 14 tháng 6 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3352/BCT-PVTM gửi các Bộ, ngành, địa phương đề nghị rà soát, tổng kết thực hiện Nghị định 10. Sau khi phân tích, tiếp thu ý kiến từ 04 Bộ ngành và 54 địa phương, Cục PVTM - Bộ Công Thương đã ghi nhận những tồn tại những bất cập, hạn chế. Cụ thể:

**2.1. Những quy định chung**

- Một số quy định tại Nghị định 10 chưa hoàn toàn tương thích với các quy định của Luật QLNT và quy định của WTO;

- Kết cấu của Nghị định 10 đối với cả 03 biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) chưa hoàn toàn phù hợp;

- Quy định tại Nghị định 10 chưa bao quát được toàn bộ các tình huống phát sinh trên thực tế, đặc biệt là vấn đề chống lẩn tránh các biện pháp PVTM, vấn đề kinh tế thị trường, thị trường đặc biệt...

**2.2. Các quy định cụ thể**

**2.2.1. Đối với điều tra chống bán phá giá và trợ cấp**

*a. Về nội dung quy định tại Chương I: Những quy định chung*

- Chồng chéo quy định quyền của bên yêu cầu, bên bị yêu cầu và các bên liên quan khác

- Vấn đề về cung cấp thông tin ở giai đoạn điều tra sơ bộ: Hiệp định về biện pháp chống bán phá giá của WTO không yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu chủ chốt để các bên liên quan có ý kiến bảo vệ quyền lợi của mình ở giai đoạn điều tra sơ bộ. Việc cung cấp các thông tin trên ở giai đoạn này có thể gây lộ thông tin điều tra, ảnh hưởng tiêu cực đến giai đoạn điều tra tiếp theo.

- Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 hiện đang có sai khác với quy định tại Điều 6.8 Hiệp định Chống bán phá giá và chưa rõ ràng như quy định tại Điều 6 Phụ lục II Hiệp định chống bán phá giá. Do vậy, trong thực tiễn, CQĐT nhận được ý kiến của 1 số bên về việc được đính chính, bổ sung (thực chất là cung cấp mới thông tin). Do vậy kiến nghị sửa khoản 1, khoản 2 Điều 10 để làm rõ việc bên liên quan chỉ có quyền giải trình, không có quyền cung cấp lại thông tin.

- Khoản 3 Điều 10 hiện không khả thi. Trên thực tế nhiều công ty nhập khẩu sản xuất sản phẩm hạ nguồn không nắm được thông tin về vụ việc để tham gia. BCT hiện vẫn xử lý các hồ sơ đề nghị miễn trừ của các công ty này. Tuy nhiên, vẫn cần duy trì quy định này để khuyến khích các doanh nghiệp hạ nguồn tham gia vào vụ việc.

- Hiện nay, ta đang quy định cho các bên tự chuẩn bị bản công khai, dẫn tới việc các bên che quá nhiều thông tin không cần thiết, sau khi các bên khác tiếp cận được bản công khai thì không nắm bắt được bất cứ thông tin nào. Kiến nghị thêm quy định yêu cầu bên liên quan phải cung cấp bản công khai theo hướng dẫn của cơ quan điều tra.

- Điều 4 xác định ngành sản xuất trong nước cũng cần phải làm rõ 02 trường hợp đối với vụ việc điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và đối với vụ việc điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ. Ngoài ra, cũng cần bổ sung thêm trường hợp đặc biệt theo lãnh thổ để thống nhất với Hiệp định về chống bán phá giá và đề phòng trường hợp cần sử dụng biện pháp đặc thù này khi xem xét ngành sản xuất trong nước.

*b. Về nội dung quy định tại Chương II: Điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp*

- Kiến nghị bỏ nội dung yêu cầu về mức thuế nhập khẩu có hiệu lực (tại quyết định khởi xướng điều tra, quyết định về kết luận điều tra…) do ta tham gia nhiều FTAs nên mỗi mã hàng có nhiều mức thuế khác nhau, các mức thuế này có thể thay đổi theo lộ trình cam kết, do vậy việc cung cấp mức thuế nhập khẩu hiện hành là không cần thiết.

- Kiến nghị bổ sung nội dung cơ sở cho thấy sự cần thiết áp dụng thuế CBPG/CTC tạm thời. (làm cơ sở để xem xét hoàn lại thuế CBPG tạm thời theo quy định tại Điều 10 của Hiệp định ADA)

- Kiến nghị làm rõ nội dung về mức chênh lệch thuế, hoàn trả thuế trong nội dung Quyết định áp dụng biện pháp CBPG/CTC chính thức để làm rõ trường hợp thay đổi về phạm vi sản phẩm bị điều tra.

- Quy định hiện hành chưa có quy định cho phép cơ quan điều tra xác định lại thời kỳ điều tra nhằm đảm bảo dữ liệu thu thập được sát với thời điểm tiến hành điều tra nhất có thể.

- Chưa có quy định cho phép cơ quan điều tra ban hành và gửi bản câu hỏi về lượng và giá trị để phục vụ cho việc điều tra chọn mẫu trước khi gửi bản câu hỏi chính thức.

- Chưa có quy định về thời điểm cơ quan điều tra được tiến hành chọn mẫu điều tra.

*c. Về nội dung quy định tại Chương IV: Rà soát việc áp dụng biện pháp PVTM*

- Đối với việc rà soát theo đề nghị của bên liên quan, các mốc thời gian được tính theo thời điểm nộp hồ sơ. Do vậy khi có nhiều hồ sơ đề nghị rà soát của cùng một vụ việc nộp vào các thời điểm khác nhau, cơ quan điều tra sẽ gặp vướng mắc khi xác định thời điểm hoàn tất việc rà soát hồ sơ và kiến nghị tiến hành rà soát vụ việc.

- Quy định về việc tiến hành rà soát theo đề nghị của bên liên quan còn bị vướng mắc khi không có công ty nộp hồ sơ đề nghị rà soát – không xác định được mốc nhận hồ sơ đề nghị rà soát cho năm tiếp theo.

- Chưa có quy định giải quyết các trường hợp công ty đang bị áp thuế có thay đổi về cấu trúc công ty/cấu trúc sở hữu do sáp nhập, hợp nhất, mua bán nhà xưởng.

- Chưa có quy định giải quyết trường hợp không có công ty sản xuất trong nước đề nghị rà soát cuối kỳ của vụ việc.

- Chưa có quy định về việc nộp hồ sơ rà soát đối với rà soát nhà xuất khẩu mới, rà soát phạm vi hàng hóa.

- Chưa có quy định về thời điểm cơ quan điều tra bắt đầu thông báo tiếp nhận hồ sơ rà soát cuối kỳ.

- Chưa có quy định cụ thể về quy trình nộp hồ sơ đề nghị rà soát, thẩm định, ban hành quyết định rà soát cũng như việc gửi bản câu hỏi điều tra, ra kết luận của từng hình thức rà soát.

**2.2.2. Đối với điều tra tự vệ**

*a. Về quy trình điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ*

- Đối với thẩm định Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ đã được quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định 10: “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu, Cơ quan điều tra có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của Hồ sơ yêu cầu”. Tuy nhiên, việc quy định 15 ngày như hiện nay là quá ngắn, và nảy sinh nhiều bất cập nếu doanh nghiệp nộp hồ sơ trước thời điểm các kỳ nghỉ lễ lớn như tết nguyên đán, thời gian còn lại cho cơ quan điều tra xem xét hồ sơ là rất ngắn. Bên cạnh đó, có rất nhiều vụ việc với các sản phẩm điều tra mới, Cơ quan điều tra cần có thời gian nghiên cứu phân tích thông tin và đề nghị Bên yêu cầu bổ sung thông tin để có đầy đủ số liệu thẩm định chi tiết Hồ sơ yêu cầu.

- Nghị định 10 hiện nay chưa có quy định về việc xác định đe dọa thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước, cũng như chưa có quy định về xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa nhập khẩu quá mức vào Việt Nam với thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước. Trong khi đó đây là một trong những nội dung quan trọng để Cơ quan điều tra có đủ căn cứ để ra quyết định áp dụng biện pháp tự vê.

- Ngoài ra, Nghị định 10 hiện nay chưa có quy định cụ thể về căn cứ để ban hành Quyết định không tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ, điều này có thể nảy sinh vướng mắc, khiếu nại của doanh nghiệp về căn cứ pháp luật nào để Bộ Công Thương quyết định không tiến hành điều tra. Đối với các vụ việc rà soát biện pháp tự vệ, cũng chưa có quy định về bên đề nghị rà soát. Điều 59 Nghị định 10 chỉ quy định về bên đề nghị rà soát biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp. Do đó, cũng gây khó khăn cho Cơ quan điều tra khi chưa đủ căn cứ để tiến hành rà soát biện pháp tự vệ.

- Bên cạnh đó, đối với quy định về áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với các nước, vùng lãnh thổ kém phát triển, đang phát triển. Hiện Nghị định 10 quy định Danh sách nước kém phát triển, đang phát triển do Cơ quan điều tra xác định dựa trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên, theo thực tiễn điều tra, đã xuất hiện tình trạng lợi dụng yếu tố này để lẩn tránh thuế PVTM do được loại trừ theo danh sách các nước kém phát triển hoặc đang phát triển như: trường hợp lẩn tránh thuế đã xảy ra với vụ SG04 (Malaysia, Kazhakhstan) và SG06 (Jordan, Moroco). Do đó, cần phải xem xét sửa đổi, bổ sung quy định này.

*b. Về nội dung của Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ*

Tại Nghị định 10 có quy định về bản câu hỏi điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp, tuy nhiên chưa có quy định về nội dung tương tự tại mục điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ. Ngoài ra, đối với nội dung phân tích về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước tại Nghị định 10 cũng chưa được rõ ràng và đầy đủ. Trong thực tế, để Cơ quan điều tra thẩm định và xác minh tính chính xác liệu ngành sản xuất trong nước có đang chịu thiệt hại nghiêm trọng từ sự gia tăng đột biến của hàng hóa nhập khẩu hay không, Cơ quan điều tra cần thêm các thông tin, số liệu về thiệt hại ít nhất trong 03 năm của ngành sản xuất trong nước. Đây cũng là một trong những nội dung quan trọng để làm căn cứ quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

*c. Về quy định về áp dụng biện pháp hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan*

Hiện quy định này tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định 10 chưa đầy đủ trong trường hợp một quốc gia có thể áp dụng một lượng hạn ngạch thấp hơn bình quân 03 năm gần nhất hoặc phân bổ lượng hạn ngạch cho từng quốc gia không theo thị phần bình quân trong 03 năm gần nhất so với quy định của Hiệp định tự vệ của WTO. Ngoài ra, Khoản 4 Điều 54 Nghị định 10 quy định nới lỏng biện pháp khi áp dụng hạn ngạch trong khi Hiệp định Tự vệ WTO quy định việc nới lỏng biện pháp tự vệ đối với tất cả các hình thức của biện pháp tự vệ (thuế, hạn ngạch…). Do đó, cũng cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho đầy đủ và phù hợp với quy định của WTO.

**2.2.3. Đối với điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM**

- Trong nội dung điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, Cơ quan điều tra có trách nhiệm điều tra về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hoặc sự giảm hiệu quả biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực do hành vi lẩn tránh gây ra. Tuy nhiên, Hồ sơ yêu cầu hiện đang thiếu nội dung này và cần được bổ sung. Quy định tại Nghị định 10 cũng đang thiếu nội dung quan trọng về xác định sự gia tăng khối lượng, số lượng của hàng hóa lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tại Khoản 4 Điều 81.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định về nội dung bản câu hỏi điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; đối tượng nhận bản câu hỏi; thời gian ban hành bản câu hỏi; cũng như chưa có quy định về thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại cho các bên liên quan.

- Điều 73 Nghị định 10 quy định về 05 trường hợp áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (Khoản 1 đến Khoản 5). Theo đó, các điều 74, 76, 77 của Nghị định quy định cụ thể về 03 trường hợp. Tuy nhiên, 02 trường hợp còn lại của Điều 73 (Khoản 4 và Khoản 5) chưa được quy định nội dung điều tra cụ thể của 02 hành vi này. Do đó, cũng cần phải bổ sung để có căn cứ thực hiện nếu xảy ra hành vi lẩn tránh đó.

- Hiện nay có ý kiến từ phía một số các công ty sản xuất trong nước cho rằng đang có hiện tượng các công ty sản xuất nước ngoài ko xuất khẩu vào VN trong thời kỳ điều tra lợi dụng việc rà soát nhà xuất khẩu mới, chỉ xuất khẩu lượng rất nhỏ hàng hóa với giá không phá giá để được hưởng mức thuế thấp sau khi rà soát. Sau đó sẽ bắt đầu bán phá giá hàng hóa vào nước ta. Kiến nghị xây dựng cơ chế chống lẩn tránh trong trường hợp này để tránh làm giảm hiệu quả của biện pháp.

- Hiện tại nội dung điều tra (Điều 81) với các hành vi lẩn tránh chưa có sự gắn kết với nhau dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra. Nên quy định, làm rõ nội dung điều tra gắn với từng hành vi lần tránh cụ thể.

- Hiện tại chưa có điều khoản quy định về thời hạn, nội dung rà soát lại việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh

**2.2.4. Đối với xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam**

Quá trình xử lý các vụ việc PVTM của nước ngoài đã phát hiện các bất cập, hạn chế mà các quy định tại Nghị định hiện này chưa thể điều chỉnh một cách phù hợp. Cụ thể:

- Các thuật ngữ về PVTM như chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẩn tránh thuế, chống lẩn tránh biện pháp PVTM mới được định nghĩa trong lĩnh vực điều tra, chưa được định nghĩa trong xử lý vụ việc PVTM của nước ngoài Còn một số thuật ngữ chưa được định nghĩa đầy đủ, có thể dễ gây hiểu lầm. Trong khi đó, Hoa Kỳ - quốc gia tiên phong và thường xuyên điều tra PVTM đối với Việt Nam đã sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về chống lẩn tránh biện pháp PVTM vào năm 2021 và đang tiếp tục đề xuất sửa đổi nhiều quy định để áp dụng linh hoạt hơn các biện pháp PVTM nhằm tăng cường bảo hộ sản xuất trong nước.

- Nhiều thuật ngữ chưa được sử dụng thống nhất trong toàn bộ Nghị định như là: tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, doanh nhân, thương nhân, vụ kiện, thông tin mật… Một số thuật ngữ chưa có định nghĩa, không đảm bảo tính chất rõ nghĩa và một nghĩa để có thể thực thi như là “ngân sách đặc thù”.

- Một số quy định có thể hạn chế hiệu quá xử lý vụ việc PVTM của nước ngoài trên thưc tế hoặc quy định chưa rõ quyền hạn của Bộ Công Thương trong vụ việc điều tra PVTM, ví dụ: “trao đổi với nước nhập khẩu đang điều tra, áp dụng biện pháp PVTM” nhưng trên thực tế trong các vụ việc PVTM của nước ngoài, Bộ Công Thương cần trao đổi với nước nhập khẩu ngay trong quá trình trước khi điều tra; hoăc “tổ chức làm việc với Cơ quan điều tra nước ngoài” nhưng trên thực tế Bộ Công Thương cần thiết làm việc với nhiều cơ quan liên quan khác của nước nhập khẩu…

- Hiện nay việc thuê dịch vụ tư vấn pháp lý theo quy định đang giới hạn trong trường hợp bị điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM. Trên thực tế, ta cũng mới thuê dịch vụ tư vấn pháp lý cho các vụ việc điều tra chống trợ cấp khi Chính phủ Việt Nam là một bên bắt buộc tham gia và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu. Tuy nhiên, các Thành viên WTO thường xuyên có những thay đổi trong hệ thống pháp lý và thực tiễn thực thi, theo đó yêu cầu Chính phủ Việt Nam cung cấp cả thông tin trong các vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM, giải trình về kinh tế thị trường, tình hình thị trường đặc biệt và giải quyết tranh chấp tại WTO... Do đó, Nghị định cần làm rõ việc thuê dịch vụ pháp lý đối với toàn bộ các trường hợp trên và nghiên cứu, đánh giá thay đổi chính sách PVTM của các nước thường xuyên điều tra với ta.

- Trong một số trường hợp doanh nghiệp không tham gia hợp tác với Cơ quan điều tra, cần xem xét hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực của Chính phủ để tham gia vụ việc. Đối với các vụ việc này, việc hợp tác của Chính phủ không mang lại nhiều ý nghĩa do Cơ quan điều tra nước ngoài không xác định được lợi ích doanh nghiệp được hưởng trên thực tế hoặc không xác minh chéo được thông tin cung cấp bởi Chính phủ và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu.

- Các Thành viên WTO có xu hướng tăng cường bảo hộ không chỉ thông qua việc gia tăng số lượng vụ việc, mở rộng phạm vi sản phẩm mà còn áp dụng nhiều quy định hành chính khăt khe hơn trong vụ việc điều tra PVTM như là gửi nhiều bản câu hỏi trong một vụ việc, cho thời gian trả lời ngắn, yêu cầu cung cấp nhiều tài liệu hơn; thậm chí một số nước quy định khắt khe về yêu cầu nộp như phải theo mẫu bắt buộc, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự… tạo ra gánh nặng cung cấp thông tin cho Chính phủ và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam. Do đó, Nghị định cũng cần làm rõ hơn trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan và cơ chế phối hợp liên ngành để xử lý vụ việc hiệu quả trong thời gian ngắn nhất.

- Cuối cùng, mặc dù đã tăng cường tuyên truyền đào tạo trong nhiều năm qua, nhưng do lĩnh vực PVTM là lĩnh vực mang tính kỹ thuật cao, lại thường xuyên được các thành viên WTO rà soát thay đổi để phù hợp với thực tế, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam còn nhiều hạn chế trong nhận thức về PVTM, kiến thức và khả năng ứng phó chưa cao dẫn tới việc trong nhiều vụ việc chưa hợp tác đầy đủ với Cơ quan điều tra nước ngoài dẫn tới bị áp mức thuế cao, làm giảm khả năng cạnh tranh và giữ thị trường xuất khẩu. Nghị định cũng chưa quy định được các chế tài mà Bộ Công Thương có thể áp dụng đối với các doanh nghiệp bị đơn bắt buộc không hợp tác điều tra gây ảnh hưởng tới toàn bộ ngành sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

**PHẦN III: THAY ĐỔI PHÁP LUẬT PVTM VÀ THỰC TIỄN CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, XỬ LÝ BIỆN PHÁP PVTM CỦA MỘT SỐ NƯỚC/KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY**

**– BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

**3.1. Bối cảnh, xu hướng chung**

Những năm gần đây, thế giới đã chứng kiến sự suy thoái kinh tế toàn cầu do tác động của dịch bệnh, thương mại toàn cầu tiếp tục phát triển với tốc chậm lại khi cuộc xung đột ở U-crai-na nổ ra và chưa có dấu hiệu chấm dứt. Điều này dẫn tới xu hướng bảo hộ thương mại diễn ra ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Chính sách bảo bộ thương mại có thể có nhiều hình thức, trong đó thuế quan là biện pháp được sử dụng chủ yếu. Ngoài ra còn có các rào cản phi thuế quan như tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh, hạn ngạch, kiểm soát trao đổi, giấy phép nhập khẩu, yêu cầu về thủ tục hải quan hay yêu cầu về quy tắc xuất xứ nghiêm ngặt. Chính sách bảo hộ thương mại có thể cho phép các chính phủ thúc đẩy thương mại và sản xuất trong nước đối với hàng hóa và dịch vụ, áp dụng trợ cấp thuế quan và hạn ngạch hoặc hạn chế hàng hóa và dịch vụ nước ngoài trên thị trường. Tuy nhiên, về lâu dài, việc từ bỏ các chính sách thương mại tự do hoặc triển khai các biện pháp bảo hộ có thể gây ảnh hưởng cho các quốc gia như làm chậm tăng trưởng kinh tế và gia tăng lạm phát.

Các biện pháp bảo hộ thương mại có thể làm hạn chế nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài, khi hàng nhập khẩu được nhập với thuế suất cao thì giá của hàng hoá đó sẽ được bán với giá cao, khả năng cạnh tranh của hàng nhập khẩu bị giảm xuống. Bên cạnh đó, các chính sách này có thể bảo hộ các nhà sản xuất trong nước, thúc đẩy thương mại và sản xuất của các doanh nghiệp nội địa, hàng hoá nội địa có cơ hội tiếp cận thị trường ít cạnh tranh hơn do các chính sách bảo hộ đã hạn chế hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài, thậm chí giúp các nhà sản xuất có thể cạnh tranh để xâm chiếm thị trường nước ngoài. Ngoài những ưu điểm mà các biện pháp bảo hộ thương mại đem lại, chúng vẫn tồn tại những nhược điểm nhất định. Khi các biện pháp bảo hộ được áp dụng thì các doanh nghiệp nội địa sẽ không nâng cao chất lượng hàng hoá để tăng khả năng cạnh tranh như trước nữa. Theo đó thì việc áp dụng các biện pháp bảo hộ sẽ gây mất cân bằng nền kinh tế, cô lập nền kinh tế với các quốc gia khác trên thế giới.

Chủ nghĩa bảo hộ đã trở thành xu hướng trên toàn cầu kể từ năm 2008, khi mà các quốc gia sử dụng các chính sách mới nhằm hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp nội địa trước sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, những năm trở lại đây, thế giới chứng kiến sự bùng nổ của các chính sách bảo hộ thương mại mạnh mẽ hơn bao giờ hết, đặc biệt là xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn: Trung Quốc – Hoa Kỳ; Trung Quốc – Ốt-xtrây-li-a; Hoa Kỳ - EU; EU và Trung Quốc; hay Nga và các quốc gia phương Tây. Các nền kinh tế này dùng các biện pháp bảo hộ như kết quả của căng thẳng chính trị và đe doạ an ninh, chứ không chỉ là mục đích bảo vệ thương mại nội địa. Điều này đã làm cho tình trạng phân chia các chuỗi giá trị, tổn thất kinh tế cho người sản xuất, doanh nghiệp, lạm phát và mức giá cao hơn cho người tiêu dùng trở nên nghiêm trọng hơn.

Trước bối cảnh đó, các quốc gia trên thế giới rất tích cực hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng vệ thương mại. Từ năm 2018 đến nay, rất nhiều quốc gia có thông báo sửa đổi hoặc thay thế pháp luật PVTM[[1]](#footnote-1), các quốc gia thành viên WTO cũng dành sự quan tâm trao đổi, thảo luận tích cực về các quy định mới về PVTM của các nước. Thông qua việc theo dõi, đánh giá xu hướng thay đổi pháp luật phòng vệ thương mại của một số thành viên WTO tích cực sử dụng các công cụ PVTM, Việt Nam có thể nghiên cứu, áp dụng một số bài học kinh nghiệm của các nước nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật PVTM Việt Nam nói chung và các quy định tại Nghị định 10 nói riêng.

**3.2. Quy định pháp luật PVTM và sự thay đổi chính sách của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU) và Canada**

* + 1. **Hoa Kỳ**

Chính sách PVTM của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Joe Biden đã trải qua 01 lần sửa đổi vào cuối năm 2021 và hiện nay đang tiếp tục được rà soát, đề xuất sửa đổi.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo sửa đổi một số nội dung trong quy định pháp luật về điều tra CBPG và CTC. Các quy định sửa đổi này lần lượt có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 và ngày 4 tháng 11 năm 2021. Một số sửa đổi cụ thể:

*a. Sửa đổi quy định liên quan đến điều tra chống lẩn tránh thuế*

Quy định mới tách riêng việc điều tra xem xét phạm vi sản phẩm (scope ruling) khỏi phạm vi điều tra chống lẩn tránh thuế (anti-circumvention) và quy định cụ thể hơn về quy trình, thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của DOC, như vấn đề tự khởi xướng điều tra, thời hạn điều tra và ra kết luận, cho phép Hoa Kỳ điều tra trên phạm vi toàn quốc (chỉ chọn một số bị đơn bắt buộc để điều tra, nhưng kết luận cuối cùng áp dụng chung cho tất cả các công ty khác).

Tuy nhiên, điểm thay đổi đáng kể và có tác động lớn nhất là quy định sửa đổi cho phép áp dụng thuế hồi tố (retrospective). Theo đó, quy định sửa đổi cho phép Lệnh áp thuế gốc được mở rộng với tất cả các lô hàng chưa thanh khoản hải quan[[2]](#footnote-2), bao gồm cả các lô hàng đã nhập vào Hoa Kỳ trước thời điểm khởi xướng điều tra vụ việc. Theo quy định cũ, Lệnh áp thuế chỉ có thể mở rộng với các lô hàng chưa thanh khoản hải quan mà nhập vào Hoa Kỳ vào hoặc sau thời điểm khởi xướng điều tra vụ việc.

*b. Sửa đổi quy định liên quan đến điều tra* *CBPG/CTC*

Các sửa đổi trong quy định về điều tra CBPG/CTC chủ yếu tập trung vào việc nộp đăng ký tham gia vụ việc, rà soát nhà xuất khẩu mới, thời hạn nộp các bản bình luận về tính đại diện của ngành sản xuất trong nước,…

*c. Đánh giá tác động của việc sửa đổi đối với Việt Nam*

- Phần lớn các quy định sửa đổi lần thứ nhất chỉ “luật hóa” quy trình thủ tục, thông lệ, thực tiễn điều tra chống lẩn tránh của DOC vốn chưa được hướng dẫn cụ thể trước đây. Điều này giúp tăng cường tính minh bạch của quy trình điều tra, giúp các bên có liên quan dễ dàng hình dung và có các bước chuẩn bị để xử lý vụ việc.

- Tuy nhiên, một số quy định sửa đổi theo hướng tăng quyền định đoạt của DOC có thể gây khó khăn nhất định cho các nhà sản xuất/xuất khẩu và thậm chí chính các nhà nhập khẩu của Hoa Kỳ. Cụ thể như, việc áp dụng thuế hồi tố với điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẩn tránh thuế đặt nhà nhập khẩu, xuất khẩu vào tình huống khó khăn. Do vào thời điểm nhập khẩu hàng vào Hoa Kỳ, nhà nhập khẩu có thể không lường trước được khả năng Hoa Kỳ khởi xướng điều tra và áp thuế hồi tố với sản phẩm, dẫn đến nhà nhập khẩu có khả năng phải nộp bổ sung thuế trong trường hợp hồi tố với tất cả các lô hàng chưa thanh khoản hải quan trong khoảng thời gian khá dài (có thể lên tới 10 tháng trước khi DOC ra quyết định). Việc khó định đoán như vậy sẽ khiến các nhà nhập khẩu có xu hướng lựa chọn hàng hóa của các nước ít rủi ro bị điều tra xem xét phạm vi sản phẩm/chống lẩn tránh thuế.

- Với truyền thống nằm trong top 15 nước bị Hoa Kỳ điều tra CBPG/CTC và thường xuyên bị Hoa Kỳ điều tra chống lẩn tránh thuế do nghi ngờ lẩn tránh thuế từ Trung Quốc, quy định sửa đổi này sẽ làm gia tăng các vụ việc điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM với hàng xuất khẩu của Việt Nam, ảnh hưởng xấu đến xuất khẩu của ta sang thị trường này trong tương lai. Ngoài ra, do WTO không có quy định về chống lẩn tránh nên các quyết định của Hoa Kỳ trong các vụ việc này sẽ khó có thể bị kiện ra cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Xu hướng này đã được chứng minh trên thực tế. Trước tháng 9 năm 2021, số lượng các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM mà DOC khởi xướng với Việt Nam mới là 9 vụ việc. Từ khi thông qua quy định mới đến nay, Hoa Kỳ đã khởi xướng 01 vụ việc điều tra phạm vi sản phẩm và 11 vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi đó, Hoa Kỳ chỉ khởi xướng 04 vụ việc CBPG và không khởi xướng vụ việc CTC nào trong thời gian này.

Tháng 5 năm 2023, DOC tiếp tục công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp PVTM trong khởi xướng, điều tra CBPG và CTC để lấy ý kiến các bên liên quan. Lần sửa đổi này chủ yếu tập trung vào vấn đề quy trình thủ tục, và một số vấn đề kỹ thuật như cáo buộc các chương trình trợ cấp mới, thay đổi phương pháp lựa chọn giá trị thay thế trong điều tra CBPG và CTC, có thể ảnh hưởng lớn hơn tới Việt Nam. Cục PVTM đánh giá các đề xuất sửa đổi lần này của Hoa Kỳ sẽ có tác động mang tính “hệ thống”, lâu dài và sâu rộng đến các vụ việc điều tra PVTM của Hoa Kỳ với tất cả các nước, đặc biệt là Việt Nam trong tương lai. Vì vậy, Cục PVTM đang báo cáo Lãnh đạo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ để có những biện pháp ứng phó kịp thời.

**3.2.2. Liên minh châu Âu (EU)**

Pháp luật về chống bán phá giá, chống trợ cấp của Liên minh Châu Âu ra đời năm 1968 (Quy định (EEC) số 459/68 của Hội đồng ngày 5 tháng 4 năm 1968 về chống bán phá giá hoặc cấp tiền thưởng hoặc trợ cấp của các quốc gia không phải là thành viên của Cộng đồng kinh tế châu Âu)[[3]](#footnote-3) và đã được sửa đổi và bổ sung nhiều lần chủ yếu nhằm đưa những nội dung mới của việc thực hiện Điều VI của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại 1994 (Hiệp định Chống bán phá giá 1994) vào luật của EU hiện nay. Quy định CBPG/CTC hiện hành của EU là Quy định 2016/1036 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 8/6/2016 về chống bán phá giá[[4]](#footnote-4); Quy định 2016/1037 ngày 8/6/2016 về chống trợ cấp với hàng nhập khẩu từ các nước không phải là thành viên EU.[[5]](#footnote-5)

1. *Quy định CBPG, chống trợ cấp*

Quy định CBPG, chống trợ cấp của EU về cơ bản tuân thủ chặt chẽ với các cam kết WTO, tuy nhiên có một số nội dung khác biệt như:

- Bắt buộc áp dụng quy tắc áp thuế thấp hơn (*lesser duty rule*) (trong khi theo quy định WTO, quy tắc này không bắt buộc áp dụng).

- Quy định về *lợi ích công cộng* là một điều kiện để quyết định có áp đặt thuế/biện pháp chống bán phá giá hay không (bên cạnh 3 điều kiện khác là phá giá/trợ cấp; thiệt hại đáng kể; và mối quan hệ giữa việc bán phá giá/trợ cấp và thiệt hại).

Bên cạnh đó, để xử lý vấn đề kinh tế thị trường của Trung Quốc sau thời điểm năm 2016, tháng 12 năm 2017, EU đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung liên quan đến chống bán phá giá, chống trợ cấp. Những thay đổi về pháp luật chống bán phá giá, chống trợ cấp bao gồm:

(1) Đối với vấn đề *CBPG*, quy định thay đổi phương pháp mới để tính toán biên độ phá giá đối với hàng nhập khẩu từ các nước thứ ba trong trường hợp có sự “bóp méo” thị trường đáng kể hoặc có sự ảnh hưởng rộng rãi của nhà nước đối với nền kinh tế. Trong trường hợp này, Ủy ban sẽ sử dụng các giá trị chuẩn không bị bóp méo thay vào đó để xác định 'giá trị bình thường' của sản phẩm. Điều này có thể áp dụng cho tất cả các Thành viên WTO, nơi các biến dạng thị trường quan trọng được tìm thấy. Để chỉ ra rằng các biến dạng tồn tại, Ủy ban sẽ kiểm tra tất cả các bằng chứng trong mọi trường hợp, cũng như chuẩn bị các báo cáo cụ thể theo quốc gia[[6]](#footnote-6).

(2) Đối với vấn đề *chống trợ cấp*, quy định pháp lý mới này cũng bao gồm những thay đổi nhằm củng cố pháp luật chống trợ cấp của EU cho các vụ việc điều tra chống trợ cấp tương lai, bất kỳ khoản trợ cấp mới nào bị phát hiện trong quá trình điều tra đều có thể được tiến hành điều tra và đưa vào kết luận áp thuế cuối cùng.

1. *Quy định về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp CBPG:*

Quy định về chống lẩn tránh thuế đầu tiên của EU được ban hành năm 1987 để chống lại việc Nhật Bản thành lập các nhà máy lắp ráp (screwdriver) tại EU. Năm 1990, một ban hội thẩm GATT đã kết luận rằng các quy định này là không phù hợp với GATT và EU đã ngừng sử dụng quy định này.

Sau đó, EU đã sửa đổi quy định của mình, hiện nay, EU có quy định riêng về chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC tại 2 văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: *Điều 13* của Luật chống bán phá giá của EU (Quy định 2016/1036) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về “Bảo vệ trước hàng hóa bán phá giá từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu” và *Điều 23* của Luật Chống trợ cấp của EU (Quy định 2016/1037) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về “Bảo vệ trước hàng hóa trợ cấp từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu” là cơ sở các quy định nội luật của EU về chống lẩn tránh thuế CBPG, CTC.

*Năm 2018, EU ban hành Quy định số 2018/825 sửa đổi các quy định về chống bán phá giá, chống trợ cấp. Một số quy định được sửa đổi bổ sung:*

- EU quy định cho phép các cá nhân, tổ chức đại diện cho Công đoàn ngành hoặc được Công đoàn ngành hỗ trợ nộp đơn yêu cầu điều tra CBPG/CTC;

- Sau khi EU ban hành Quyết định áp dụng biện phá CBPG tạm thời, EC có thể chấp nhận cam kết giá của nhà xuất khẩu với điều kiện mức giá được cam kết có thể loại bỏ hiện tượng BPG và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Khi cam kết được chấp nhận, biện pháp CBPG tạm thời và CBPG cuối cùng sẽ không được áp dụng với hàng nhập khẩu có liên quan. Việc tăng giá theo cam kết giá không cao hơn mức có thể loại trừ biên độ BPG và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước;

- Quy định mới về thủ tục ban hành Quyết định áp dụng biện pháp tạm thời;

- EU quy định cụ thể về các căn cứ xác định sự bóp méo đối với nguyên liệu thô: cơ chế định giá kép, thuế xuất khẩu, hạn ngạch xuất khẩu, cấm xuất khẩu, thuế tài chính đối với hàng xuất khẩu, yêu cầu cấp phép, giá xuất khẩu tối thiểu, giảm hoặc thu hồi thuế giá trị gia tăng (VAT), hạn chế về địa điểm làm thủ tục hải quan cho nhà xuất khẩu, danh sách nhà xuất khẩu đủ tiêu chuẩn, nghĩa vụ thị trường nội địa, khai thác tận thu nếu giá nguyên liệu đầu vào thấp hơn đáng kể so với giá đại diện trên thị trường quốc tế;

- EU cũng quy định một số căn cứ xác định vấn đề lợi ích công cộng. Ủy ban sẽ kiểm tra tất cả các thông tin thích hợp như năng lực dự phòng ở nước xuất khẩu, cạnh tranh về nguyên liệu thô và ảnh hưởng của chuỗi cung ứng đối với các công ty thuộc EU.

**3.2.3. Canada**

Pháp luật về các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của Canada được quy định tại:

- Đạo luật Các biện pháp nhập khẩu đặc biệt (Special Import Measures Act – **SIMA**) (1984)[[7]](#footnote-7) (trải qua một số lần sửa đổi, lần sửa đổi gần nhất là năm 2019)[[8]](#footnote-8), Quy định về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt (Special import measures regulations): quy định về vấn đề điều tra phá giá, trợ cấp. Các quy định này điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Hải quan và Biên phòng Canada (CBSA) là cơ quan có chức năng điều tra hành vi phá giá, trợ cấp.

- Đạo luật về Toà Thương mại quốc tế Canada (the Canadian International Trade Tribunal- **CITT Act**) cùng với các quy định (regulations) và quy tắc (rules) của CITT: [[9]](#footnote-9) quy định việc điều tra thiệt hại và áp dụng các biện pháp tự vệ. Các quy định này điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Toà Thương mại quốc tế Canada (CITT) là cơ quan có chức năng điều tra vấn đề thiệt hại (trong vụ CBPG/CTC) và tự vệ. Đạo luật CITT cũng có các điều khoản liên quan đến điều tra tự vệ theo các hiệp định thương mại tự do song phương mà Canada tham gia ký kết.

Trong số các văn bản được liệt kê trong bảng trên, Đạo luật về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt (SIMA) là văn bản quan trọng nhất, được ban hành vào năm 2004, sửa đổi vào năm 2016, 2017 và năm 2019. Gần đây nhất, năm 2020, Canada đã ban hành bổ sung một số quy định liên quan đến các biện pháp nhập khẩu đặc biệt áp dụng trong thời kỳ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Các văn bản pháp luật đều được thông báo đầy đủ trên trang thông tin điện tử của WTO. Trong giai đoạn 2016, 2017, Canada đã bổ sung nhiều quy định hoàn thiện pháp luật phòng vệ thương mại, đặc biệt là các nội dung về điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp:

* Điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp: Canada bổ sung quy trình điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/ chống trợ cấp làm cơ sở mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp nhằm bảo đảm hiệu lực của biện pháp trên thực tế.
* Rà soát phạm vi sản phẩm: Canada đưa ra quy trình xem xét đán giá một sản phẩm cụ thể nhằm xem xét việc có đưa sản phẩm này vào phạm vi áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp hay không.
* Giá bị bóp méo: Pháp luật Canada đưa ra quy định về việc áp dụng phương pháp tính toán thay thế trong trường hợp tình hình thị trường đặc biệt (Particular market situation – PMS) dẫn đến các giá trị thông thường bị bóp méo.
* Sự tham gia của Công đoàn: Công đoàn lao động được xác định là một bên liên quan có quyền xem xét đưa ra các khiếu nại cần thiết liên quan đến việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Về mặt quy trình điều tra, tương tự như Hoa Kỳ, Canada xác định việc điều tra áp dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp là hêt sức quan trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngành sản xuất trong nước trước các hành vi thương mại không công bằng. Quy trình điều tra của Canada rất cụ thể và được quy định chặt chẽ. Trong đó, việc điều tra thiệt hại và điều tra hành vi bán phá giá/ trợ cấp được thực hiện độc lập.

**3.3. Bài học cho Việt Nam**

Qua việc nghiên cứu, đánh giá quy định pháp luật về PVTM của một số nước có thể nhận thấy các nước thể hiện quan điểm rất rõ trong từng nội dung quy định nhằm bảo vệ sản xuất trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trong nước.

Kinh nghiệm của Hoa Kỳ cho thấy nước này dùng mọi biện pháp để kết quả tính biên độ phá giá đạt ở mức cao nhất có thể, đặc biệt là bằng cách sử dụng phương pháp zeroing. Mặc dù vậy, để bảo đảm việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá không làm ảnh hưởng thực sự đến nhà sản xuất và cộng đồng, Hoa Kỳ lại sử dụng mô hình toán trong việc tính toán thiệt hại và mối quan hệ nhân quả (chính vì vậy, số vụ có kết luận phủ định của ITC nhiều hơn là của DOC). Hiện nay chưa có nghiên cứu khẳng định kết quả chính xác của các mô hình này, song về mặt kinh tế, việc áp dụng chống bán phá giá ở Hoa Kỳ là dựa trên quan điểm kinh tế chính trị rõ ràng và có cơ sở khoa học.

Trường hợp của EU, rõ ràng các phương pháp tính khác nhau được quy định và việc lựa chọn phương pháp nào là do cơ quan điều tra của Ủy ban quyết định trong từng trường hợp cụ thể. Quyết định của cơ quan điều tra tất nhiên sẽ bị ảnh hưởng bởi quan điểm chính trị đối với từng vụ việc cụ thể, tức là từng nước hay mặt hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, để đảm bảo chắc chắn hơn rằng việc áp dụng biện pháp CBPG không gây hại cho lợi ích chung, EC quy định việc phải tính toán biên độ thiệt hại và thuế suất không được cao hơn. Đây là quy định mở hơn đối với Hiệp định ADA và cho phép giảm thiểu những tiêu cực từ chính sách chống bán phá giá (trong các trường hợp không phải phá giá chiếm đoạt). Bên cạnh đó, EC còn quy định việc đánh giá ảnh hưởng lợi ích công để bảo vệ quyền lợi cộng đồng cũng thể hiện quan điểm sử dụng biện pháp CBPG để bảo hộ sản xuất với điều kiện lợi ích công được bảo đảm.

Cùng với EU, Hoa Kỳ, Canada đã nỗ lực rất nhiều trong việc điều tra, áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM dựa trên một bộ khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh quy định về vấn đề này.

Trên cơ sở phân tích các kinh nghiệm các nước, Việt Nam có thể tham khảo một số nội dung phù hợp để vận dụng vào quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật PVTM nói chung cũng như sửa đổi Nghị định 10 nói riêng.

Trước bối cảnh hiện nay, các quốc gia trên thế giới khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đều phải thực hiện cam kết cắt giảm những rào cản thương mại để hàng hoá có thể lưu thông một cách tối đa qua biên giới các nước. Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã chính thức tham gia, ký kết thực hiện 15 FTA có hiệu lực và 01 FTA đã chính thức ký kết, sắp có hiệu lực, hiện đang đàm phán 03 FTA. Trong số 15 FTA đã có hiệu lực và đang triển khai, Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) là 02 FTA thế hệ mới đầu tiên mà Việt Nam tham gia. Điều này một mặt mở rộng thị trường, đem lại lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam song cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro về thương mại như gian lận nguồn gốc xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp, lẩn tránh thuế PVTM.

Các FTA truyền thống và FTA thế hệ mới (CPTPP và EVFTA) đều đã có điều khoản về PVTM. Trong số đó, với những FTA gần đây, chúng ta đều có những cam kết vượt khỏi mức cam kết trong WTO (WTO+), đặc biệt là lĩnh vực PVTM. Hầu hết các FTA đều có mục tiêu xóa bỏ toàn bộ rào cản đối với thương mại và hạn chế hoặc không áp dụng các biện pháp PVTM. Tuy nhiên, việc loại bỏ rào cản thuế quan trong FTA đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp PVTM, vì các ngành sản xuất trong nước vẫn tiếp tục tìm kiếm sự bảo vệ khi cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Ngoài các biện pháp PVTM truyền thống như thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ, những hình thức mới như chống gian lận xuất xứ và lẩn tránh biện pháp PVTM đang có xu hướng được nước ngoài sử dụng nhiều hơn để bảo vệ cho các ngành sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, sự thay đổi chính sách pháp luật về PVTM của những đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Canada, Úc…cho thấy công cụ PVTM ngày càng biến đổi đa dạng, phức tạp nhằm mục đích tối cao là bảo hộ nền sản xuất nội địa. Các quốc gia đều đang nắm bắt xu hướng nội luật hóa chính sách pháp luật về PVTM của mình một cách chặt chẽ, phù hợp với bối cảnh hội nhập sâu rộng như một tấm khiên bảo vệ sản xuất trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu tới các thị trường nước ngoài.

Từ thực tiễn trên, Chính phủ đã giao Bộ Công Thương thực hiện chủ trương chủ động hoàn thiện khung khổ pháp luật, thể chế cũng như các chính sách, chương trình, đề án, cơ chế phối hợp về PVTM trong tình hình mới để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Cục PVTM đã từng bước rà soát thể chế pháp lý, chính sách PVTM một cách tổng thể nhằm tham mưu, đề xuất phương án tăng cường hiệu quả công tác PVTM, bảo vệ hợp pháp và hợp lý sản xuất trong nước, nâng cao hiểu biết, năng lực của các doanh nghiệp, hiệp hội về công cụ PVTM, đồng thời có chiến lược và cơ chế phối hợp nhằm ứng phó hiệu quả với các vụ kiện PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng, đặt nền móng cho công tác PVTM là hoàn thiện hệ thống pháp luật về PVTM để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các cam kết quốc tế, phù hợp với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và đảm bảo lợi ích của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao nhận thức, năng lực về PVTM của các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ tư vấn pháp lý; củng cố cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội trong lĩnh vực PVTM; sử dụng hiệu quả các quy định về PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước và lợi ích người tiêu dùng.

**PHẦN IV: ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

**4.1. Đề xuất các nội dung sửa đổi**

**4.1.1 Về nguyên tắc sửa đổi**

Việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 10 được tiến hành trên cơ sở các nguyên tắc chủ yếu sau đây:

- Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia hội nhập quốc tế về kinh tế;

- Hai là, bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ của Nghị định trong hệ thống pháp luật hiện nay, gồm có Luật Quản lý ngoại thương 2017; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016; các quy định về hải quan và quy tắc xuất xứ hiện hành;

- Ba là, tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản Nghị định theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật, bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành Nghị định; bảo đảm tính minh bạch trong các quy định của Nghị định;

- Bốn là, căn cứ vào kết quả tổng kết thực hiện Nghị định 10 để kế thừa những kết quả đạt được, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn triển khai Nghị định 10;

- Năm là, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và các điều ước quốc tế về PVTM mà Việt Nam là thành viên.

**4.1.2. Về nội dung sửa đổi**

**4.1.2.1. Một số nhóm vấn đề chung**

*a. Vấn đề kết cấu tổng thể của Nghị định 10*

Thực tiễn áp dụng và quá trình thực thi Nghị định 10 trong gần 06 năm vừa qua cho thấy những bất cập phát sinh do kết cấu quy định của Nghị định 10 gây những khó khăn cho Cơ quan điều tra PVTM và các đối tượng điều chỉnh của Nghị định, cụ thể như sau:

- Ba biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) là ba biện pháp có sự độc lập tương đối và có những điểm khác biệt trong quy trình, cách thức tổ chức điều tra và áp dụng. Tuy nhiên, sự khác biệt trong cách thức tổ chức điều tra, áp dụng các biện pháp chưa được Nghị định 10 quy định, phản ánh đầy đủ, chính xác, chưa phân định được rõ quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của các bên liên quan cũng như đưa ra giải pháp cụ thể cho từng vấn đề có liên quan đối với từng biện pháp PVTM.

- Việc nội luật hóa các nguyên tắc của WTO về các biện pháp PVTM đòi hỏi mỗi quốc gia phải tuân thủ triết lý chung mang tính phổ quát về các cam kết ràng buộc nhưng đồng thời phải phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật nội địa từng nước. PVTM vẫn được coi là lĩnh vực mới đối với Việt Nam nên các quy định tại Nghị định 10 chưa diễn dịch được bản chất pháp lý của từng biện pháp PVTM cũng như chưa tiên liệu và bao quát được các tình huống phát sinh.

*b. Vấn đề mâu thuẫn, trùng lặp và/hoặc thiếu thống nhất với Luật Quản lý ngoại thương*

Nghị định 10 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp PVTM, tuy nhiên, trong quá trình tham mưu xây dựng Nghị định 10, một số quy định chi tiết đã phản ánh không đầy đủ và mâu thuẫn, thiếu thống nhất với Luật Quản lý ngoại thương do nội hàm các nguyên tắc của WTO về PVTM chưa được làm rõ và đầy đủ trong các văn bản quy phạm pháp luật này. *Đặc biệt các định nghĩa về biện pháp PVTM, vụ việc PVTM chưa được quy định rõ ràng để đảm bảo tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung), sự hiểu biết chung và phản ánh đúng bản chất của biện pháp PVTM trong mối liên hệ cơ bản nhất của thương mại quốc tế nói chung.* Bản thân một số quy định tại Nghị định 10 thiếu sự thống nhất khi sử dụng các thuật ngữ khác nhau cho cùng một nội dung. Quy định về các trường hợp được gia hạn biện pháp chống bán phá giá tạm thời, quy định về phạm vi áp dụng biện pháp PVTM và phạm vi hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM tại Nghị định 10 và Luật Quản lý ngoại thương chưa có sự thống nhất.

*c. Vấn đề tương thích với các nguyên tắc của WTO*

Về cơ bản, Nghị định 10 đã chi tiết hóa được những nội dung chính yếu trong Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp PVTM. Tuy nhiên, quá trình nghiên cứu và xây dựng Nghị định 10 trong thời gian gấp rút vừa phải tuân thủ phạm vi quy định chi tiết văn bản luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vừa phải diễn dịch nội hàm các nguyên tắc của WTO đã dẫn đến việc đồng thời một số quy định vượt quá phạm vi nguyên tắc đặt ra trong khi một số quy định lại thiếu sót những nội dung cơ bản dẫn đến bất cập cho việc áp dụng trong thực tiễn điều tra.

*d. Vấn đề kinh tế thị trường và thị trường đặc biệt*

Thực tiễn về điều tra PVTM hiện nay cho thấy, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã và đang bị đối mặt với một vấn đề nghiêm trọng trong các vụ việc điều tra chống bán phá giá. Một số đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Canada, Úc, Thổ Nhĩ Kỳ… thường coi chúng ta có nền kinh tế phi thị trường, gây bất lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tính biên độ phá giá trong những vụ việc điều tra PVTM cụ thể. Bên cạnh đó là vấn đề sử dụng phương pháp thay thế để tính toán biên độ phá giá khi tồn tại một “tình hình thị trường đặc biệt” dẫn đến có nhiều vụ việc giải quyết tranh chấp tại WTO về nội dung này. Chính vì vậy, việc nội luật hóa các quy định về kinh tế thị trường và tình hình thị trường đặc biệt là cần thiết.

*đ. Vấn đề hạn chế trong tổ chức điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM*

Trong quá trình thực thi Nghị định 10, đặc biệt trong tổ chức điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM và rà soát các biện pháp PVTM, Cơ quan điều tra PVTM và các tổ chức, cá nhân liên quan là đối tượng điều chỉnh của Nghị định 10 gặp nhiều vấn đề khó khăn trong việc thực thi pháp luật.

Những hạn chế, bất cập của Nghị định 10 đã gây ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả của việc điều tra, áp dụng hoặc ứng phó với các biện pháp PVTM trong thời gian qua, đặt ra yếu cầu cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

**4.1.2.. Một số đề xuất nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, thay thế**

***1. Quy định về miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM***

a. Khoản 1, Điều 7 quy định: “Bộ Công Thương xem xét không áp dụng biện pháp PVTM thông qua việc miễn trừ đối với một số loại hàng hóa trên nguyên tắc không làm giảm hiệu quả tổng thể của biện pháp PVTM”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Hiện nay có rất nhiều sản phẩm đề nghị miễn trừ, công ty nhập khẩu chứng minh được trong nước không sản xuất được. Tuy nhiên, công ty không đưa ra được các tiêu chí phân biệt rõ ràng, việc cấp miễn trừ sẽ không phù hợp do nguy cơ gian lận thuế là rất cao và cơ quan hải quan cũng yêu cầu cần có tiêu chí phân biệt rõ ràng.

Vì vậy, cơ quan điều tra cần có căn cứ rõ ràng để từ chối cấp miễn trừ nhằm tránh việc khiếu nại, quy định này nên được sửa đổi như sau: “Bộ Công Thương xem xét không áp dụng biện pháp PVTM thông qua việc miễn trừ đối với một số loại hàng hóa trên nguyên tắc không làm giảm hiệu quả tổng thể của biện pháp PVTM hoặc có nguy cơ gian lận thuế PVTM ”.

b. Khoản 3, Điều 7 quy định: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ miễn trừ, Cơ quan điều tra thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính đầy đủ và hợp lệ của Hồ sơ miễn trừ. Nếu Hồ sơ miễn trừ chưa đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều tra thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ miễn trừ để bổ sung”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Việc thẩm định các sản phẩm được đề nghị miễn trừ lần đầu thường rất phức tạp do cần lấy ý kiến các bên và ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Vì vậy, kiến nghị bổ sung điều khoản về việc thẩm định sản phẩm đề nghị miễn trừ riêng rẽ trước khi xét tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ . Kiến nghị thời hạn thẩm định sản phẩm là 30 ngày. Thời hạn thông báo hồ sơ đầy đủ hợp lệ về các yếu tố khác (ngoài sản phẩm) là 07 ngày làm việc, thời hạn ra QĐ về việc miễn trừ là 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo đầy đủ, hợp lệ (rút ngắn khoảng 15 ngày so với quy định hiện tại).

c. Khoản 5, Điều 7 quy định: “Trường hợp tổ chức, cá nhân được miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM không tuân thủ các quy định, điều kiện hưởng miễn trừ, Bộ Công Thương có quyền thu hồi quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM và thông báo cho cơ quan hải quan xử lý theo quy định”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Quy định chưa đầy đủ dẫn đến các doanh nghiệp được hưởng miễn trừ chưa có ý thức tuân thủ chặt chẽ, nhiều doanh nghiệp sổ sách giấy tờ không đảm bảo chứng minh việc sử dụng hàng hóa được miễn theo đúng mục đích. Tuy nhiên, cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét thu hồi các quyết định miễn trừ khi có nghi vấn, cần bổ sung thêm như sau: “Trường hợp tổ chức, cá nhân được miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM không tuân thủ các quy định, điều kiện hưởng miễn trừ , hoặc không hợp tác, không cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo yêu cầu của Đoàn thanh tra, kiểm tra việc miễn trừ, Bộ Công Thương có quyền thu hồi quyết định miễn trừ....”.

***2. Quy định về Bên liên quan không hợp tác***

a. Khoản 1, Điều 10 quy định: “Bất kỳ bên liên quan nào từ chối tham gia vụ việc hoặc không cung cấp chứng cứ cần thiết hoặc gây cản trở đáng kể tới việc hoàn thành việc điều tra thì kết luận sơ bộ, kết luận cuối cùng đối với bên liên quan đó sẽ dựa trên cơ sở các thông tin sẵn có”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Đề nghị bổ sung thêm việc từ chối điều tra tại chỗ nhằm làm rõ hơn các đối tượng bị coi là không hợp tác để cơ quan điều tra có căn cứ pháp lý thực hiện: “Bất kỳ bên liên quan nào từ chối tham gia vụ việc, từ chối việc điều tra tại chỗ hoặc không cung cấp chứng cứ cần thiết hoặc gây cản trở đáng kể tới việc hoàn thành việc điều tra thì kết luận sơ bộ, kết luận cuối cùng đối với bên liên quan đó sẽ dựa trên cơ sở các thông tin sẵn có”.

b. Khoản 2 Điều 10 quy định: “Bất kỳ bên liên quan nào cung cấp các chứng cứ không chính xác hoặc gây nhầm lẫn thì các chứng cứ đó sẽ không được xem xét và kết luận sơ bộ, kết luận cuối cùng đối với bên liên quan đó sẽ được dựa trên cơ sở các thông tin sẵn có”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 6.8 Hiệp định Chống bán phá giá quy định như sau: “Trong trường hợp bất kỳ bên liên quan nào từ chối việc tiếp cận, hoặc bằng cách khác không cung cấp, thông tin cần thiết trong một khoảng thời gian hợp lý hoặc gây cản trở việc điều tra, các kết luận điều tra sơ bộ và chính thức, khẳng định hay phủ định, có thể được dựa trên cơ sở thông tin sẵn có”.

Điều 6 Phụ lục II Hiệp định chống bán phá giá quy định như sau: “Nếu chứng cứ hoặc thông tin không được chấp thuận, bên cung cấp phải được thông báo về lý do cho việc này và phải được có một cơ hội để cung cấp các giải thích bổ sung trong khoảng thời gian hợp lý”.

Như vậy, cả khoản 1 và khoản 2 Điều 10 hiện đang có sai khác với quy định tại Điều 6.8 Hiệp định Chống bán phá giá và chưa rõ ràng như quy định tại Điều 6 Phụ lục II Hiệp định chống bán phá giá. Trong thực tiễn, CQĐT nhận được ý kiến của 1 số bên về việc được đính chính, bổ sung (thực chất là cung cấp mới thông tin). Do vậy kiến nghị sửa khoản 1, khoản 2 Điều 10 để làm rõ việc bên liên quan chỉ có quyền giải trình, không có quyền cung cấp lại thông tin . c. Khoản 3 Điều 10 quy định: “Các bên liên quan không hợp tác nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Quy định này không khả thi bởi trên thực tế nhiều công ty nhập khẩu sản xuất sản phẩm hạ nguồn không nắm được thông tin về vụ việc để tham gia. Bộ Công Thương hiện vẫn xử lý các hồ sơ đề nghị miễn trừ của các công ty này. Tuy nhiên, việc có quy định này để khuyến khích các doanh nghiệp hạ nguồn tham gia vào vụ việc là cần thiết. Do vậy kiến nghị sửa thành “có thể không được xem xét miễn trừ”.

***3. Quy định về Áp dụng biện pháp PVTM đối với các nước, vùng lãnh thổ kém phát triển, đang phát triển***

Khoản 2, Điều 15 quy định: “Danh sách nước kém phát triển, đang phát triển do Cơ quan điều tra xác định dựa trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Theo thực tiễn điều tra, đã xuất hiện tình trạng lợi dụng yếu tố này để lẩn tránh thuế PVTM do được loại trừ theo danh sách các nước kém phát triển hoặc đang phát triển như: trường hợp lẩn tránh thuế đã xảy ra với vụ SG04 (Malaysia, Kazhakhstan) và SG06 (Jordan, Moroco). Bộ Công Thương đã từng ban hành quyết định sửa đổi danh sách này trong vụ việc SG04, SG06.

Vì vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định như sau: “Định kỳ hàng quý , Bộ Công Thương có thể rà soát, sửa đổi danh sách các nước kém phát triển, đang phát triển được quy định tại khoản 1 Điều này dựa trên dữ liệu nhập khẩu hàng hóa bị điều tra do cơ quan hải quan cung cấp”.

***4. Quy định về Điều kiện thương mại thông thường***

Điều 17 Nghị định 10 quy định: “Hàng hóa tương tự được coi là bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu theo điều kiện thương mại thông thường trừ các trường hợp sau đây:

1. Các giao dịch bán hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa nước xuất khẩu, hoặc giao dịch xuất khẩu sang thị trường nước thứ ba có giá bán thấp hơn chi phí sản xuất trong một khoảng thời gian ít nhất là 06 tháng và khối lượng, số lượng này ít hơn 20% tổng khối lượng, số lượng bán hàng trong nước hoặc xuất khẩu sang thị trường nước thứ ba;

2. Các giao dịch bán hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu hoặc giao dịch xuất khẩu sang thị trường nước thứ ba được thực hiện giữa các bên có mối quan hệ theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này và giá bán giữa các bên này không phản ánh giá thị trường;

3. Các giao dịch bán hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa nước xuất khẩu hoặc các giao dịch xuất khẩu sang thị trường nước thứ ba được thực hiện trên cơ sở các thỏa thuận bù trừ”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Đề xuất thay đổi quy định về điều kiện thương mại thông thường của Hoa Kỳ đưa ra nhằm mục tiêu loại bỏ các giao dịch có lượng nhỏ nhưng ở mức giá cao “bất thường” khi xác định giá trị thông thường với lý do các giao dịch này không nằm trong “điều kiện thương mại thông thường”. Tuy nhiên, đề xuất này trái với hầu hết các nước thường muốn đẩy giá trị thông thường lên cao làm tăng biên độ bán phá giá. Do đó, đề xuất này cần tiếp tục theo dõi các lập luận cụ thể hơn từ phía Hoa Kỳ nhằm đánh giá tác động chính xác.

***5. Quy định về vấn đề hồi tố***

Hệ thống pháp luật PVTM hiện hành không có quy định hồi tố mà chỉ có quy định “Áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước” tại Điều 45 Nghị định số 10 và Điều 81, 89 Luật QLNT.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 10.6 của Hiệp định ADA quy định: “Mức thuế chống phá giá chính thức sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm được đưa vào tiêu dùng trong thời gian không quá 90 ngày trước khi áp dụng các biện pháp tạm thời, khi các cơ quan có thẩm quyền xác định sản phẩm bị bán phá giá sẽ căn cứ vào:

(i) đã có tiền sử bán phá giá gây thiệt hại hoặc người nhập khẩu đã biết hoặc sau này biết rằng người xuất khẩu đang bán phá giá và việc bán phá giá này sẽ gây thiệt hại, và

(ii) thiệt hại do bán phá giá hàng loạt đối với một sản phẩm trong thời gian tương đối ngắn, nếu xét về thời gian cũng như khối lượng hàng nhập khẩu được bán phá giá và các tình huống khác (như sự gia tăng nhanh chóng lượng hàng nhập khẩu trong kho) có thể gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến tác dụng điều chỉnh của thuế chống phá giá sẽ được áp dụng, với điều kiện là các nhà nhập khẩu có liên quan đã có cơ hội để phản biện”.

Đề xuất quy định theo hướng:

- Chứng minh sản phẩm bị điều tra từng có lịch sử bán phá giá và gây thiệt hại đáng kể tại nhiều quốc gia.

- Chỉ cần Cơ quan điều tra xác định biên độ bán phá giá từ 25% trở lên (bán cho công ty không liên kết) là đủ căn cứ để chứng minh và thỏa mãn quy định về việc các nhà nhập khẩu nhận biết được các công ty sản xuất, xuất khẩu đang bán phá giá và có thể xem xét áp dụng việc hồi tố.

- Xác định lượng nhập khẩu lớn tăng nhanh trong khoảng thời gian ngắn.

- So sánh tối thiểu thời kỳ 3 tháng từ mốc thời gian bắt đầu nộp Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Trong trường hợp cần thiết, việc so sánh có thể tính từ thời điểm nộp hồ sơ đến lúc ra quyết định tạm thời và so sánh với thời kỳ trước tương ứng.

***6. Quy định về Nội dung điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá***

Nội dung điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá được quy định tại Điều 80 Luật QLNT và được quy định chi tiết tại các Điều 5, 16, 18, 19, 20 Nghị định 10.

Tuy nhiên các văn bản trên chưa quy định về việc xác định giá bán trong các giao dịch xuất khẩu không đáng tin cậy, về quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài và nhà nhập khẩu Việt Nam, chưa đưa ra phương pháp sẽ áp dụng phương pháp nào để tính biên độ phá giá (có cho hoặc không cho phép sử dụng phương pháp Zeroing).

Điều 2.3 Hiệp định ADA

Thực tiễn đối với các vụ việc rà soát biện pháp CBPG đã xuất hiện các giao dịch xuất khẩu không đáng tin cậy, trong thời gian đang áp dụng biện pháp CBPG, doanh nghiệp chỉ xuất khẩu 1 hoặc 2 giao dịch với giá cao nhằm mục đích yêu cầu rà soát biện pháp CBPG. Việc này đồng thời đặt ra nghi ngờ về quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài và nhà nhập khẩu Việt Nam. Vì vậy, quy định này cần được bổ sung vào Nghị định 10.

***7. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá***

Điểm e, g, i khoản 2, Điều 28 quy định “e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong thời kỳ 12 tháng trước khi nộp Hồ sơ;

g) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm đ khoản này trong thời kỳ 12 tháng trước khi nộp Hồ sơ, trừ trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 12 tháng;

i) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Việc yêu cầu thông tin trong Hồ sơ chưa phù hợp, do cơ quan điều tra cần số liệu về nhập khẩu và chỉ số thiệt hại của ngành sản xuất trong nước tối thiểu 03 năm để có thể phân tích đánh giá. Vì vậy, điều này cần được sửa đổi và bỏ điểm g không cần thiết, cụ thể như sau:

“e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong thời kỳ ít nhất 03 năm trước khi nộp Hồ sơ;

i) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước trong thời kỳ ít nhất 03 năm trước khi nộp Hồ sơ trừ trường hợp ngành sản xuất trong nước có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm”.

***8. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp***

Khoản 2, Điều 29 quy định: “e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong thời kỳ 12 tháng trước khi nộp Hồ sơ;

g) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm đ khoản này trong thời kỳ 12 tháng trước khi nộp Hồ sơ, trừ trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 12 tháng;

i) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Việc yêu cầu thông tin trong Hồ sơ chưa phù hợp, do cơ quan điều tra cần số liệu về nhập khẩu và chỉ số thiệt hại của ngành sản xuất trong nước tối thiểu 03 năm để có thể phân tích đánh giá. Vì vậy, điều này cần được sửa đổi và bỏ điểm g không cần thiết, cụ thể như sau:

“e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong thời kỳ ít nhất 03 năm trước khi nộp Hồ sơ;

i) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước trong thời kỳ ít nhất 03 năm trước khi nộp Hồ sơ trừ trường hợp ngành sản xuất trong nước có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm”.

***9. Quy định về Thời kỳ điều tra***

Điều 34 khoản 1 quy định: “Thời kỳ điều tra để xác định việc bán phá giá, trợ cấp là 12 tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Cơ quan điều tra có thể xác định một thời kỳ điều tra khác nhưng không ít hơn 06 tháng”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Hiện nay, mốc cuối thời kỳ đề nghị điều tra do các bên yêu cầu cung cấp thường cách thời điểm kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định điều tra trên 06 tháng, do vậy, nếu ko điều chỉnh thời kỳ điều tra thì sẽ ko phản ánh đúng thực trạng bán phá giá, được trợ cấp... khi ta tiến hành điều tra. Do vậy, kiến nghị sửa cho phép CQĐT xác định thời kỳ điều tra với mốc cuối cách thời điểm khởi xướng <6 tháng. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn của CQĐT .

***10. Quy định về Bản câu hỏi điều tra về lượng và giá trị***

Chưa có quy định hiện hành về nội dung này.

Kiến nghị bổ sung nội dung cho phép CQĐT gửi bản câu hỏi về lượng và giá trị để đánh giá được quy mô vụ việc trước khi gửi bản câu hỏi điều tra chính thức .

***11. Quy định về Cam kết giá***

Khoản 2 Điều 38 Nghị định 10 quy định: “Cam kết bao gồm các nội dung chính sau đây:a) Phạm vi hàng hóa; b) Giá tham chiếu bao gồm giá tự xác định, mức tăng giá, phương án điều chỉnh giá; c) Nghĩa vụ thông báo định kỳ; d) Nghĩa vụ hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình thực hiện cam kết; đ) Các nội dung khác do Cơ quan điều tra xác định là phù hợp”.

Khoản 1 Điều 41 Nghị định 10 quy định: “Việc thực hiện cam kết sẽ bị coi là vi phạm trong các trường hợp sau đây: 1. Bên đề nghị cam kết xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Việt Nam thấp hơn mức giá cam kết”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 38 và Điều 41 Nghị định 10 nêu trên cho thấy Quy định về mức giá cam kết không rõ ràng, giá cam kết không được chỉ rõ là giá nào cụ thể mà được hiểu là đồng nhất với giá tham chiếu . Trong khi giá tham chiếu lại bao gồm giá tự xác định, mức tăng giá, phương án điều chỉnh giá.

Như vậy cần phải quy định rõ 02 vấn đề:

(1) giá cam kết là mức giá mà bên cam kết cần phải xác định trong cam kết gửi đến Cơ quan điều tra để nhằm cam kết về mức giá sẽ áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trong thời gian xác định.

(2) mối liên hệ giữa giá cam kết và giá tham chiếu như thế nào."

***12. Quy định về Chủ thể có thẩm quyền quyết định việc chấp nhận hay không chấp nhận cam kết giá***

Điểm b khoản 2 Điều 81 Luật QLNT quy định: “Cơ quan điều tra có thể chấp nhận, không chấp nhận hoặc đề nghị điều chỉnh nội dung cam kết trên cơ sở lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước”.

Khoản 1 Điều 39 Nghị định 10 quy định: “Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét ban hành quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận cam kết của Bên đề nghị. Trường hợp không chấp nhận cam kết của Bên đề nghị, Bộ trưởng Bộ Công Thương phải thông báo lý do không chấp nhận cam kết”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Hai Điều này mâu thuẫn nhau, không đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Về bản chất đây có thể là nhầm lẫn. Do vậy, cần sửa lại Điểm b khoản 2 Điều 81 Luật QLNT cho phù hợp với quy định tại Điều 6 và 73 Luật QLNT.

***13. Áp dụng thuế tạm thời trong trường hợp kết luận cản trở sự hình thành của ngành sản xuất trong nước***

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Trong trường hợp kết luận cuối cùng cho thấy có hành vi ngản cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước, ta không được áp dụng thuế sơ bộ.

Điều 3 Hiệp định ADA về Thiệt hại của ngành sản xuất trong nước chỉ quy định về thiệt hại và đe dọa gây thiệt hại. Điều 7 Hiệp định ADA quy định Biện pháp sơ bộ chỉ được áp dụng trong trường hợp kết luận sơ bộ việc bán phá giá gây thiệt hại và việc áp dụng biện pháp sơ bộ sẽ phòng ngừa thiệt hại trong giai đoạn điều tra.

***14. Áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước***

Điều 45 quy định: “Áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước

1. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 81 và khoản 4 Điều 89 của Luật Quản lý ngoại thương.

2. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước được xem xét khi có đề nghị của Bên yêu cầu về việc khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam tăng đột biến trong giai đoạn từ khi có quyết định điều tra đến khi áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời và gây ra thiệt hại khó có khả năng khắc phục cho ngành sản xuất trong nước.

3. Trong trường hợp mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức cao hơn mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời thì mức thuế có hiệu lực trở về trước bằng mức thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp tạm thời.

4. Trong trường hợp mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức thấp hơn mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời thì mức thuế có hiệu lực trở về trước bằng mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Chưa có quy định về thời kỳ tương đương để so sánh việc khối lượng hoặc số lượng hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam tăng nhanh đột biến trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời.

Trong quá trình điều tra vụ việc AD 13 với sản phẩm mía đường, Hiệp hội mía đường đã đề nghị cơ quan điều tra cần áp thuế hồi tố đối với các lô đường nhập khẩu trước đây. Tuy nhiên, vấn đề này đã gây tranh cãi rất lớn về lý do cơ quan điều tra không áp thuế hồi tố do việc so sánh lượng đường nhập khẩu trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời với khoảng thời gian trước đó theo cách hiểu khác nhau sẽ dẫn đến kết luận có hay không có việc tăng nhanh đột biến.

Để tránh việc tranh cãi cũng như khiếu nại có thể có, rất cần thiết phải quy định rõ việc tăng nhanh đột biến của hàng hóa bị điều tra trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời với thời kỳ nào trước đây.

Quy định ADA chi tiết và đầy đủ hơn về vấn đề này, đặc biệt một trong những quy định nếu muốn áp hồi tố theo WTO đó là nhà nhập khẩu đã nhận thức về việc có hành vi bán phá giá do DN xuất khẩu gây ra và nhà nhập khẩu có cơ hội để được trình bày ý kiến trước khi Cơ quan điều tra quyết định áp có áp dụng hồi tố hay không.

***15. Căn cứ tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ***

Khoản 1, Điều 46:

“Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra khi có Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước với điều kiện tổng khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất bởi các nhà sản xuất trong nước nộp hồ sơ và các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chiếm ít nhất 25% tổng khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước." Đề nghị sửa lại như sau nhằm đảm bảo chính xác:

Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra khi có Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước với điều kiện tổng khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất bởi các nhà sản xuất trong nước nộp hồ sơ và các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chiếm ít nhất 25% tổng khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự *hoặc* hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước."

***16. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ***

Điểm h, khoản 2, Điều 47 quy định: “h) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Cũng giống như Hồ sơ yêu cầu biện pháp CBPG và CTC, hồ sơ yêu cầu biện pháp tự vệ cũng cần quy định các thông tin, số liệu về thiệt hại ít nhất trong 03 năm, cụ thể như sau: “h) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước *trong thời kỳ tối thiểu 03 năm trước khi nộp Hồ sơ trừ trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 03 năm*”.

***17. Thẩm định Hồ sơ yêu cầu rà soát***

Khoản 1 Điều 56 quy định: “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Hồ sơ yêu cầu rà soát, Cơ quan điều tra phải thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ yêu cầu rà soát. Nếu Hồ sơ yêu cầu rà soát chưa đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều tra phải thông báo yêu cầu bổ sung cho tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Do có trường hợp nhận nhiều hồ sơ đề nghị miễn trừ riêng rẽ, do vậy việc xác nhận đầy đủ hợp lệ theo từng hồ sơ sẽ gặp vướng mắc khi thời điểm xác định đầy đủ hợp lệ là căn cứ để tính toán thời điểm ra quyết định về việc rà soát. Kiến nghị sửa đổi thành thời hạn xác nhận đầy đủ hợp lệ tính từ ngày cuối cùng tiếp nhận hồ sơ đề nghị rà soát.

***18. Bản câu hỏi điều tra rà soát***

Khoản 1 Điều 57 quy định: “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định rà soát, Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra cho các đối tượng sau đây:

a) Bên nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát;

b) Bên bị đề nghị rà soát;

c) Các bên liên quan khác mà Cơ quan điều tra cho là cần thiết”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều khoản này hiện chỉ đúng đối với bản câu hỏi rà soát cuối kỳ. Đối với các bản câu hỏi rà soát khác, CQĐT chỉ gửi bản câu hỏi liên quan đến việc rà soát cụ thể. Do vậy, kiến nghị sửa bỏ các điểm a, b, c. Chỉ ghi chung là CQĐT gửi bản câu hỏi trong 15 ngày kể từ ngày có QĐ rà soát.

***19. Nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát theo đề nghị của bên liên quan***

Hiện nay còn có trường hợp không có bên liên quan đề nghị rà soát. Do vậy, để có căn cứ tính thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị rà soát cho năm tiếp theo, CQĐT hiện kiến nghị Bộ trưởng ra quyết định về việc giữ nguyên mức thuế. Kiến nghị bổ sung quy định về việc ra QĐ giữ nguyên mức thuế trong TH ko có bên liên quan đề nghị rà soát để phù hợp với thực tế và có cơ sở pháp lý vững chắc.

***20. Tự khởi xướng rà soát cuối kỳ***

Chưa có quy định

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Theo quy định của WTO, ngay cả khi không có công ty sản xuất trong nước nộp hồ sơ đề nghị rà soát cuối kỳ, ta vẫn phải tiến hành rà soát . Kiến nghị bổ sung quy định này.

***21. Rà soát thay đổi hoàn cảnh đối với biện pháp CBPG***

Chưa có quy định.

Trên thực tế có nhiều doanh nghiệp thay đổi tên gọi, cơ cấu cổ đông do hoạt động M&A… dẫn đến tên gọi bị thay đổi. Hiện nay chưa có quy định cụ thể với vấn đề này dẫn tới vướng mắc trong thực thi.

***22. Nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ***

Khoản 2 Điều 62 quy định: “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo của Cơ quan điều tra, nhà sản xuất trong nước đại diện cho ngành sản xuất trong nước theo quy định tại khoản 2 Điều 79 và khoản 2 Điều 87 của Luật Quản lý ngoại thương có quyền nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Quản lý ngoại thương, Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định về việc tiến hành rà soát cuối kỳ tại thời điềm 01 năm trước khi kết thúc thời hạn áp dụng biện pháp CBPG, CTC. Do vậy, việc ta thông báo và nhận hồ sơ chỉ 30 ngày trước khi đến thời hạn 01 năm là không đủ để thẩm định và đề nghị các bên bổ sung hồ sơ nếu cần thiết. Kiến nghị sửa thành 60 ngày , tương tự như với nhận hồ sơ đề nghị rà soát theo đề nghị của bên liên quan.

***23. Xác định nhà xuất khẩu mới***

Điểm c khoản 1 Điều 65 quy định: “Khối lượng, số lượng xuất khẩu vào Việt Nam tính đến thời điểm nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát phải đủ lớn để Cơ quan điều tra có thể xác định được giá xuất khẩu hợp lý”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Kiến nghị bỏ nội dung này do có thể gây hiểu lầm rằng ta đặt ra yêu cầu về lượng nhập khẩu để được rà soát nhà xuất khẩu mới - điều này là không phù hợp với quy định của WTO.

***24. Lẩn tránh thuế PVTM bằng cách lợi dụng rà soát nhà xuất khẩu mới***

Chưa có quy định.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Hiện nay có ý kiến từ phía một số các công ty sản xuất trong nước cho rằng đang có hiện tượng các công ty sản xuất nước ngoài ko xuất khẩu vào VN trong thời kỳ điều tra lợi dụng việc rà soát nhà xuất khẩu mới, chỉ xuất khẩu lượng rất nhỏ hàng hóa với giá không phá giá để được hưởng mức thuế thấp sau khi rà soát. Sau đó sẽ bắt đầu bán phá giá hàng hóa vào nước ta. Kiến nghị xây dựng cơ chế chống lẩn tránh trong trường hợp này để tránh làm giảm hiệu quả của biện pháp.

***25. Bổ sung quy định liên quan đến việc rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh***

Hiện tại chưa có điều khoản quy định về thời hạn, nội dung rà soát lại việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh.

***26. Quyết định không tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ***

Chưa có quy định.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Trong trường hợp sau khi thẩm định Hồ sơ yêu cầu, Cơ quan điều tra nhận thấy chưa có đủ chứng cứ về việc hàng hóa nhập khẩu quá mức vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Bộ Công Thương cần ban hành quyết định không tiến hành điều tra . Tuy nhiên, căn cứ để ban hành Quyết định này là chưa được quy định trong Nghị định và có thể nảy sinh vướng mắc, khiếu nại của doanh nghiệp về căn cứ pháp luật nào để Bộ Công Thương quyết định không tiến hành điều tra.

***27. Quyết định điều tra áp dụng biện pháp tự vệ***

Khoản 2, Điều 50 quy định: “Tên của các doanh nghiệp và đại diện của các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Đề nghị sửa lại như sau nhằm đảm bảo chính xác: “Tên của các doanh nghiệp và đại diện của các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự *hoặc* hàng hóa cạnh tranh trực tiếp yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ”.

***28. Quy định về áp dụng biện pháp hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan***

Khoản 2, Điều 54 quy định: “Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức thông qua hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan thì thực hiện như sau:

1. Khối lượng, số lượng hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan không được thấp hơn khối lượng, số lượng nhập khẩu trung bình của 03 năm gần nhất có số liệu nhập khẩu, trừ khi Cơ quan điều tra có lập luận, chứng cứ rõ ràng rằng cần có khối lượng, số lượng hạn ngạch nhập khẩu thấp hơn để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng, đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng.

2. Bộ Công Thương thực hiện việc phân bổ hạn ngạch giữa các nước xuất khẩu căn cứ thị phần tính theo tổng khối lượng, số lượng hàng hóa của các nước xuất khẩu vào Việt Nam trong 03 năm gần nhất có số liệu nhập khẩu và có tính đến các yếu tố đặc biệt ảnh hưởng đến hoạt động thương mại hàng hóa”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Quy định này chưa đầy đủ trong trường hợp một quốc gia có thể áp dụng một lượng hạn ngạch thấp hơn bình quân 03 năm gần nhất hoặc phân bổ lượng hạn ngạch cho từng quốc gia không theo thị phần bình quân trong 03 năm gần nhất so với quy định của Hiệp định tự vệ của WTO .

Theo Điều 5.2(b) của Hiệp định Tự vệ: Một thành viên có thể không tuân theo các quy định tại khoản a của Mục 2 Điều này (Tức là lượng quota phân bổ có thể không chia theo tỷ lệ % của tổng lượng nhập khẩu) nếu:

- Đã tổ chức tham vấn với các nước xuất khẩu hàng hóa bị điều tra, dưới sự giám sát của Ủy ban tự vệ.

- Lượng nhập khẩu từ một vài nước có sự gia tăng không cân đối (dispropotionate percentage) so sánh với tổng lượng gia tăng hàng hóa nhập khẩu bị điều tra trong thời kỳ 3 năm đã nêu trên;

- Cơ sở của việc đưa ra phương pháp phân bổ này được dựa trên các cơ sở chính đáng;

- Các điều kiện được xem xét để đưa ra phương pháp phân bổ này phải công bằng với tất cả các quốc gia xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ.

Như vậy, điều khoản quy định về Quota của Nghị định thiếu hoàn toàn mục này so với SGA. Đề nghị bổ sung thêm các điều khoản về phương pháp phân bổ quota khác để thống nhất với SGA .

***29. Quyết định về kết quả rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp***

Điều 64 quy định: “Căn cứ kết luận rà soát của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành một trong các quyết định sau đây:

1. Gia hạn việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp trong trường hợp kết luận cuối cùng xác định rằng nếu loại bỏ biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp có thể dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp gây thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

2. Chấm dứt việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp trong trường hợp các nhà sản xuất trong nước đề nghị rà soát cuối kỳ rút Hồ sơ yêu cầu rà soát hoặc kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp gây thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước”.

Theo quy định của Luật, cơ quan điều tra có nghĩa vụ tiến hành việc rà soát cuối kỳ, tuy nhiên quy định tại khoản 1 và khoản 2 chưa rõ nhất là trong trường hợp chấm dứt điều tra. Vì vậy, quy định này cần được sửa đổi như sau: “Căn cứ kết luận rà soát của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành một trong các quyết định sau đây:

1. Gia hạn việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp trong trường hợp kết luận cuối cùng xác định rằng vẫn tồn tại hành vi bán phá giá, trợ cấp và ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể nếu chấm dứt việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp;

2. Chấm dứt việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp khi xảy ra một trong các trường hợp như sau:

a) Đại diện các nhà sản xuất trong nước không đề nghị rà soát cuối kỳ;

b) Đại diện các nhà sản xuất trong nước rút Hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ;

c) Không tồn tại hành vi bán phá giá, trợ cấp;

d) Không có khả năng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể nếu chấm dứt việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp”.

***30. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM***

Điều 79. Chưa có nội dung về thông tin về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hoặc sự giảm hiệu quả của biện pháp PVTM đang có hiệu lực.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Trong nội dung điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM, Cơ quan điều tra có trách nhiệm điều tra về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hoặc sự giảm hiệu quả biện pháp PVTM đang có hiệu lực do hành vi lẩn tránh gây ra. Tuy nhiên, Hồ sơ yêu cầu hiện đang thiếu nội dung này và cần được bổ sung.

***31. Trình tự, thủ tục, nội dung điều tra về nội dung điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM***

Khoản 4, Điều 81

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Thiếu nội dung quan trọng về xác định sự gia tăng khối lượng, số lượng của hàng hóa lẩn tránh biện pháp PVTM.

Quy định này cần bổ sung thêm nội dung đó là: “Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa lẩn tránh biện pháp PVTM nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc tiêu dùng trong nước”.

***32. Quy định về bản câu hỏi điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM***

Chưa có quy định về nội dung bản câu hỏi điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM; đối tượng nhận bản câu hỏi; thời gian ban hành bản câu hỏi; cũng như chưa có quy định về thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM cho các bên liên quan.

Cần bổ sung quy định đối với vấn đề này nhằm thống nhất với các quy định đã ban hành ở các mục trước .

***33. Quy định đầy đủ về các hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM***

Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định về 05 trường hợp áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM (khoản 1 đến khoản 5). Theo đó, các Điều 74, 76, 77 của Nghị định quy định cụ thể về 03 trường hợp. Tuy nhiên, 02 trường hợp còn lại của Điều 73 (khoản 4 và khoản 5) chưa được quy định cụ thể. Cần bổ sung để có căn cứ thực hiện nếu xảy ra hành vi lẩn tránh đó.

***34. Hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM thông qua sản xuất, lắp ráp tại nước thứ ba***

Khoản 4 Điều 76 quy định: “Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM xuất khẩu vào Việt Nam”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Quy định chưa chính xác, cần sửa đổi thành: “…chiếm 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa bị điều tra lẩn tránh xuất khẩu vào Việt Nam”.

Ngoài ra, đề nghị sửa thành: “Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa tương tự xuất khẩu vào Việt Nam” hoặc “Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa bị điều tra hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM vào Việt Nam”.

***35. Hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM thông qua thay đổi không đáng kể hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM***

Điều 77 quy định hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM thông qua thay đổi không đáng kể hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Khoản 3 Điều 73 và Điều 78 Nghị định 10/2018/NĐ-CP sử dụng thuật ngữ “sự khác biệt không đáng kể”, trong khi đó tại Điều 77 lại sử dụng thuật ngữ “thay đổi không đáng kể”. Cần thống nhất sử dụng chung một thuật ngữ để tránh gây nhầm lẫn trong quá trình điều tra.

***36. Cung cấp thông tin liên quan đến vụ việc***

Điều 85

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Các thông tin cung cấp cho thương nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương là các thông tin được cơ quan có liên quan của nước nhập khẩu công bố hoặc được phép công bố theo các quy định tại Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Nghị định chưa thống nhất về cách dùng từ “thương nhân”, “thương nhân, hiệp hội ngành, nghề liên quan” … trong các Điều 85, 86, 91.

Đoạn “được phép công bố” chưa hợp lý trong ngữ cảnh này . Cơ quan điều tra công bố hoặc “cho phép công bố” sẽ hợp lý hơn.

- Đoạn “theo các quy định tại Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” giới hạn phạm vi thông tin được phép công bố hẹp hơn so với thực tiễn.

***37. Hệ thống cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài***

Điều 86 quy định: “1. Bộ Công Thương xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo sớm khả năng xảy ra vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài để thông tin cho doanh nghiệp, hiệp hội ngành, nghề để phòng, tránh và chuẩn bị đối phó với các vụ kiện.

2. Bộ Công Thương quy định việc tổ chức và vận hành hệ thống cảnh báo sớm”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Chưa thể hiện đầy đủ phạm vi Bộ Công Thương cần thực hiện đối với hệ thống cảnh báo sớm (xây dựng, vận hành, bảo trì và nâng cấp).

Từ “vụ kiện” hiện không được ưu tiên sử dụng trong các vụ việc PVTM do nước ngoài tiến hành.

***38. Hoạt động trợ giúp trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp***

Điều 88 quy định: “Trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương, Bộ Công Thương chủ trì xây dựng phương án phối hợp với cơ quan liên quan của nước nhập khẩu như sau:

1. Thực hiện tham vấn với cơ quan điều tra nước ngoài về các chương trình trợ cấp bị cáo buộc của Việt Nam;

2. Cung cấp các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan điều tra nước ngoài đối với Chính phủ liên quan đến các chương trình trợ cấp bị cáo buộc của Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

3. Tổ chức làm việc với cơ quan điều tra nước ngoài trong quá trình điều tra tại chỗ về các chương trình trợ cấp bị cáo buộc của Việt Nam;

4. Các hoạt động phù hợp khác”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Dùng thuật ngữ “phối hợp với các cơ quan liên quan của nước nhập khẩu” dễ gây hiểu nhầm. Thực tế, ta cần phối hợp với các Bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan của Việt Nam để thực hiện các yêu cầu của Cơ quan điều tra PVTM, Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu.

Việc tham vấn trên không chỉ giới hạn ở các chương trình trợ cấp bị cáo buộc.

Phạm vi thuật ngữ “Cơ quan điều tra nước ngoài” chưa đủ bao hàm các cơ quan có thẩm quyền mà Cục cần làm việc. Trong các vụ việc của Hoa Kỳ, Cục ngoài làm việc với Cơ quan điều tra là DOC và ITC, còn cần làm việc với USTR (không phải cơ quan điều tra).

***39. Xây dựng phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ***

Điều 89 quy định: “1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án yêu cầu bồi thường theo các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ Công Thương chủ trì, tiến hành tham vấn với cơ quan liên quan của nước nhập khẩu về phương án yêu cầu bồi thường đã được phê duyệt tại khoản 1 Điều này và ban hành quyết định triển khai phương án cụ thể.

3. Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam và chính phủ nước nhập khẩu không đạt được thỏa thuận về vấn đề bồi thường, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án trả đũa theo các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành viên, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành quyết định triển khai phương án trả đũa đã được phê duyệt.

4. Quy trình, thủ tục tiến hành việc yêu cầu bồi thường, trả đũa được thực hiện phù hợp với pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Thực tiễn hiện nay, Bộ Công Thương cần đăng ký tham vấn và bảo lưu ngay quyền yêu cầu bồi thường trả đũa trong trường hợp Cơ quan điều tra nước ngoài ban hành kết luận điều tra cuối cùng. Mặt khác, việc nghiên cứu phương án trả đũa sau khi không đạt được thỏa thuận về bồi thường sẽ dẫn tới không đảm bảo về mặt thời gian vụ việc.

***40. Khởi kiện nước nhập khẩu khi phát hiện có vi phạm Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên***

Điều 90 quy định: “1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác xem xét khởi kiện theo điểm c khoản 1 Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương trên cơ sở thông tin thu thập hoặc theo đề nghị bằng văn bản của thương nhân, hiệp hội ngành, nghề có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, triển khai phương án khởi kiện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Trong trường hợp thương nhân, hiệp hội ngành, nghề có liên quan gửi văn bản đề nghị khởi kiện, văn bản đề nghị cần có các nội dung sau đây:

a) Mô tả biện pháp phòng vệ thương mại mà nước ngoài điều tra, áp dụng;

b) Thiệt hại do việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại quy định tại điểm a khoản này;

c) Mô tả các vi phạm Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Đề xuất của thương nhân, hiệp hội ngành, nghề;

đ) Các thông tin, tài liệu liên quan khác mà thương nhân, hiệp hội ngành, nghề cho là cần thiết.

3. Quy trình, thủ tục khởi kiện nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thực hiện theo quy định trong các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Các thông tin, tài liệu trong quá trình xem xét, đánh giá trước khi khởi kiện, trong quá trình kiện hoặc các thông tin mà các bên liên quan yêu cầu bảo mật được coi là các thông tin mật theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thương nhân, hiệp hội ngành, nghề có liên quan đã gửi văn bản đề nghị theo khoản 2 Điều này có trách nhiệm phối hợp đầy đủ với Bộ Công Thương trong quá trình kiện nước nhập khẩu điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Tại khoản 4, Quy định chưa làm rõ về định nghĩa và xử lý “thông tin mật” dẫn đến việc khó khăn trong quá trình xử lý vụ việc và lưu trữ hồ sơ. Thuật ngữ “mật” đang được sử dụng trong Luật và Nghị định chưa phản ánh đúng bản chất của thông tin cần “bảo mật”. Thực tế, đây là các thông tin lưu hành hạn chế theo yêu cầu của Bên yêu cầu và được Cục chấp thuận là thông tin lưu hành hạn chế.

- Tại khoản 5, quy định chưa rõ ràng và đầy đủ dẫn đến việc các bên liên quan chưa phối hợp chặt chẽ và đầy đủ với Bộ Công Thương .

***41. Tham gia bên liên quan trong các vụ việc phòng vệ thương mại, bên thứ ba trong các vụ việc giải quyết tranh chấp tại Tổ chức thương mại thế giới liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại***

Điều 91 quy định: “1. Bộ Công Thương xem xét đăng ký tham gia bên liên quan khi nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

2. Bộ Công Thương xem xét đăng ký tham gia bên thứ ba trong các vụ việc giải quyết tranh chấp tại Tổ chức thương mại thế giới trong trường hợp vụ việc có liên quan đến quyền, lợi ích của Việt Nam trong lĩnh vực phòng vệ thương mại. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương tham khảo ý kiến các bộ, ngành liên quan để xem xét đăng ký tham gia.

3. Bộ Công Thương có thể xem xét cung cấp các thông tin, tài liệu trong quá trình tham gia bên thứ ba tại khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của tổ chức, cá nhân với điều kiện các tài liệu, thông tin đó được phép công bố theo quy định của các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Tại khoản 3, từ “có thể” làm giảm tính chặt chẽ của quy định, đoạn “trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của tổ chức, cá nhân” giới hạn phạm vi của quy định hẹp hơn thực tiễn triển khai . Thực tế, Bộ Công Thương có quyền cung cấp các thông tin liên quan đến chính sách pháp luật. Chỉ đối với các thông tin là bí mật doanh nghiệp, Bộ Công Thương mới cần ý kiến bằng văn bản của doanh nghiệp liên quan.

***42. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý***

Điều 92 quy định: “1. Bộ Công Thương xem xét sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý trong quá trình thực thi các quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp lý trong trường hợp Bộ Công Thương có đề nghị bằng văn bản.

2. Bộ Công Thương quy định tiêu chí lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp lý phù hợp.

3. Bộ Tài chính bảo đảm ngân sách đặc thù cho việc sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý trong các hoạt động trợ giúp thương nhân theo quy định tại Điều 76 của Luật Quản lý ngoại thương”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Quy định chưa cụ thể cho việc thuê luật sư phục vụ các vụ việc điều tra lẩn tránh (AC) và tình hình thị trường đặc biệt trong các vụ việc điều tra chống bán phá giá (PMS). Vấn đề này có lẽ cần sửa đổi trong Luật để có cơ sở sửa Nghị định.

***43. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý, hiệp hội ngành, nghề, thương nhân***

Điều 93 quy định: “2. Nội dung phối hợp được thực hiện như sau:

c) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, trợ giúp các thương nhân khi bị nước ngoài điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, thực hiện các hoạt động trợ giúp khác theo đề nghị của Bộ Công Thương;

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã đổi tên.

**4.2. Kiến nghị**

Trên cơ sở nội dung báo cáo nêu trên, Cục PVTM kính kiến nghị Thứ trưởng cho phép Cục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các thủ tục xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 10 theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết tình hình thực thi Nghi định 10, Cục PVTM kính báo cáo Thứ trưởng để xin ý kiến chỉ đạo./.

1. Các thông báo được đăng tải công khai trên cơ sở dữ liệu mở của WTO: https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE\_Browse/FE\_B\_009.aspx?TopLevel=1435 [↑](#footnote-ref-1)
2. Các lô hàng chưa thanh khoản hải quan là các lô hàng chưa hoàn tất quyết toán thuế với CBP. Khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ, hàng hóa nộp thuế tạm tính, sau đó được đưa vào lưu thông và được coi là chưa thanh khoản hải quan, cho tới khi CBP xác định được mức thuế chính xác phải nộp cho các lô hàng này. Thời gian để CBP xác định mức thuế chính xác cho các lô hàng này thường kéo dài 314 ngày kể từ ngày nhập khẩu. [↑](#footnote-ref-2)
3. https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/601ecff2-5419-4cee-b384-09d1862f6730/language-en [↑](#footnote-ref-3)
4. https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32016R1036 [↑](#footnote-ref-4)
5. https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32016R1037 [↑](#footnote-ref-5)
6. https://ec.europa.eu/trade/policy/accessing-markets/trade-defence/actions-against-imports-into-the-eu/anti-dumping/ [↑](#footnote-ref-6)
7. https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/S-15/page-1.html#h-437281 [↑](#footnote-ref-7)
8. https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/S-15/PITIndex.html [↑](#footnote-ref-8)
9. https://www.citt-tcce.gc.ca/en/legislation/legislation.html [↑](#footnote-ref-9)